

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2010

CÔNG TY CP NHỰA NGỌC NGHĨA

Mục tiêu chiến lược

Trong vòng 05 năm sẽ đưa NNG trở thành một tập đoàn công nghiệp mạnh tại Việt Nam trên cơ sở đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp bao bì PET và công nghiệp thực phẩm

2011 > 2012 > 2013 > 2014 > 2015



MỤC LỤC

TỔNG QUAN VỀ NNG	6
BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2010	8
2.1. TÌNH HÌNH KINH TẾ 2010	8
2.2. TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA NNG TRONG NĂM 2010 ...	9
2.2.1. Ngành PET (NNC, VNP, IPC).....	9
2.2.2. Ngành thực phẩm (DAF & HPF).....	9
2.3. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC & HẠN CHẾ TỒN TẠI.....	10
2.3.1. Kết quả đạt được	10
2.3.2. Hạn chế còn tồn tại.....	10
2.4. TÌNH HÌNH NHÂN SỰ	10
2.5. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NĂM 2010.....	11
2.5.1. Kết quả thực hiện doanh thu thuần.....	11
2.5.2. Kết quả thực hiện lợi nhuận sau thuế.....	12
2.6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN	12
2.7. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010	13
2.8. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐẦU TƯ	15
KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2010.....	16
3.1. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY CP NHỰA NGỌC NGHĨA	16
3.2. LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY CON	16
3.2.1. Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam (Vinapet).....	16
3.2.2. Công ty Cổ phần PET Quốc Tế (Interpet).....	17
3.2.3. CTCP Thực phẩm Đông Á và CTCP Thực phẩm Hồng Phú.....	17
CHIẾN LƯỢC KINH DOANH 2011-2013	18
4.1. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	18
4.2. MỤC TIÊU TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2013	18
4.3. CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2011-2013 ..	18
4.4. MÔ HÌNH TỔ CHỨC	19
4.5. CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ - ĐIỀU HÀNH	19
4.6. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU	20
4.7. CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC RIÊNG CHO NGÀNH PET.....	20
4.7.1. Mục tiêu lợi nhuận và tăng trưởng lợi nhuận.....	20
4.7.2. Mục tiêu thị trường và thị phần.....	20
4.7.3. Mục tiêu tài chính	21
4.7.4. Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao.....	21
4.7.5. Mục tiêu đầu tư cho ngành PET.....	21

4.8. CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC RIÊNG CHO NGÀNH FOOD.....	21
4.8.1. Hoàn chỉnh hệ thống phân phối	21
4.8.2. Nghiên cứu phát triển sản phẩm.....	22
4.8.3. Đầu tư mở rộng sản xuất	22
4.8.4. Xúc tiến hoạt động xuất khẩu.....	22
KẾ HOẠCH KINH DOANH 2011	23
5.1. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2011	23
5.1.1. Dự báo tình hình kinh tế năm 2011.....	23
5.1.2. Nhận diện những cơ hội và rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD năm 2011 của NNG	24
5.2. CƠ CẤU TỔ CHỨC BAN ĐIỀU HÀNH.....	25
5.3. KẾ HOẠCH NHÂN SỰ.....	25
5.4. TRIỂN KHAI GIẢI PHÁP HỖ TRỢ QUẢN LÝ	26
5.5. KẾ HOẠCH KINH DOANH	26
5.5.1. Ngành PET.....	26
5.5.2. Ngành Food.....	27
5.6. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	27
5.7. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH – TÀI CHÍNH	27
BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	29
6.1. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2010	29
6.2. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2010	29
6.3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ NỘI QUY CÔNG TY..	29
6.4. TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	29
6.5. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH.....	30
6.6. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2011.....	30
BÁO CÁO LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THỦ LAO HĐQT, BKS & BAN THƯ KÝ	31
7.1. THỦ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2010	31
7.2. ĐỀ XUẤT LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2011	31
7.3. ĐỀ XUẤT THỦ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2011	31
CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT	32
8.1. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
8.2. BAN KIỂM SOÁT.....	32
8.3. BAN THƯ KÝ	32
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN	33
9.1. CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	33
9.2. CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ	33
9.3. CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	33
9.4. ĐÁNH GIÁ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TRONG NĂM 2010	33

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	34
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010	35
11.1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA HỢP NHẤT	35
11.1.1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	35
11.1.2. Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập	37
11.1.3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31/12/2010	38
11.1.4. Báo cáo Kết quả kinh doanh	40
11.1.5. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	41
11.2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA RIÊNG LẺ	43
11.2.1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	43
11.2.2. Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập	45
11.2.3. Bảng Cân đối kế toán	46
11.2.4. Báo cáo Kết quả kinh doanh	48
11.2.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	49

22
3
1A
GI
H

PHẦN
1

TỔNG QUAN VỀ NNG

Thành lập tháng 06 năm 1993, Công ty TNHH SX - TM Ngọc Nghĩa hoạt động sản xuất, kinh doanh chính trong lĩnh vực bao bì nhựa cao cấp, chủ yếu là chai nhựa PET dùng làm bao bì trong công nghệ thực phẩm, nước giải khát, gia dụng, mỹ phẩm và hóa chất,... Các sản phẩm của công ty luôn đạt chất lượng cao, dịch vụ tốt tạo được uy tín đối với khách hàng, thương hiệu Ngọc Nghĩa ngày càng phát triển.

Năm 1999, Công ty hoàn tất xây dựng Nhà máy mới theo giấy phép đầu tư của UBND Tp.HCM tại KCN Tân Bình trên diện 13.798 m². Nhà máy được trang bị hệ thống sản xuất chai PET một giai đoạn hiện đại nhất khu vực của Nhật Bản.

Năm 2003, Công ty khởi công xây dựng Nhà máy thứ hai tại KCN Tây Bắc Củ Chi - Tp.HCM trên diện tích 22.572 m². Nhà máy 2 được trang bị các thiết bị tiên tiến nhất trong công nghệ sản xuất phôi, chai PET và nắp nhựa hai mảnh với những thương hiệu thiết bị nổi tiếng hàng thế giới như Husky, Sidel, Sacmi, SIG và Oberburg với hệ thống phòng thí nghiệm với các trang thiết bị hiện đại. Ngọc Nghĩa đã được chính thức chấp thuận và đủ điều kiện để cung cấp cho Pepsi và Coca Cola tại thị trường nội địa cũng như khu vực.

Năm 2005, Công ty hoàn tất lắp đặt hệ thống máy thổi chai Sidel tại nhà máy của Pepsi tại Hóc Môn - Tp.HCM và kết nối với dây chuyền chiết rót của Pepsi theo Hợp đồng dài hạn tới 31/12/2013. Đây là mô hình cùng kết nối sản xuất trực tiếp tiên tiến lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam đối với ngành công nghiệp sản xuất bao bì nhựa PET.

Tháng 5/2007, Công ty đã thực hiện cổ phần hóa thành công và chính thức mang tên Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa (Ngọc Nghĩa Plastic Company - NNC), đánh dấu một bước phát triển mới vững mạnh, toàn diện trong xu thế hội nhập và không ngừng mở rộng thị trường.

Tiếp bước những thành công trong lĩnh vực PET cùng với định hướng phần đầu đưa NNC trở thành tập đoàn công nghiệp mạnh trên thị trường Việt Nam, năm 2010 - một năm kể từ thời điểm DAF đưa sản phẩm đầu tiên của mình ra thị trường và đã được thị trường chấp nhận, thị phần đối với sản phẩm bán sản xuất từ DAF ngày càng tăng. Cũng trong năm 2010, NNC đã quyết định tăng vốn điều lệ của DAF từ 45 tỷ lên thành 55 tỷ, qua đó NNC đã nâng tỷ lệ sở hữu từ 93% lên thành 95%. Với việc tăng vốn điều lệ này đã giúp cho DAF có đủ nguồn vốn tiến hành đầu tư bổ sung thêm một dây chuyền bán stick, và đã tiến hành đầu tư dây chuyền này vào cuối năm 2010, dự kiến sản phẩm đầu tiên của dây chuyền này sẽ được tung ra thị trường vào khoảng tháng 4/2011.

Ngày 08/05/2009 NNC đã tiến hành ký kết hợp đồng gia công sản phẩm theo đơn đặt hàng của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) theo phương thức kết nối trực tiếp hệ thống thiết bị với dây chuyền chiết rót của Vinamilk thông qua một hệ thống băng tải khí nén tương tự mô hình mà NNC đã hợp tác với PepsiCo.

Chỉ sau 60 ngày kể từ ngày NNC ký kết hợp đồng với khách hàng Vinamilk, để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường về sản phẩm bao bì PET, NNC đã tiến hành thành lập Công ty Cổ phần PET Quốc Tế (Interpet - IPC) với số vốn điều lệ ban đầu là 80 tỷ và NNC chiếm 90% vốn điều lệ. Nhà máy được đầu tư tại Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chức năng hoạt động của IPC tương tự NNC nhưng với hệ thống máy móc thiết bị và công nghệ tự động hóa hoàn toàn và hiện đại nhất hiện nay trên thế giới, bao gồm 6 hệ

thống máy ép phôi Husky và 3 hệ thống máy nắp Sacmi.

Với sự ra đời của Interpet sẽ góp phần nâng cao đáng kể năng lực sản xuất của NNC, giữ vững vị trí là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực PET tại Việt Nam và khu vực. Bên cạnh đó, với những sản phẩm được sản xuất ra từ hệ thống máy móc thiết bị thuộc vào loại hiện đại nhất hiện nay sẽ đáp ứng được những tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng của các khách hàng quốc tế, góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sản phẩm của NNC ra thị trường thế giới, nhất là các nước trong khu vực Châu Á.

Tháng 3/2010 dòng sản phẩm đầu tiên của IPC đưa ra thị trường và được các khách hàng trong và ngoài nước chấp nhận như là một minh chứng cho sự thành công của định hướng đầu tư mang tính chiến lược đối với ngành PET của NNC.

Song song với việc đầu tư và mở rộng nhà máy sản xuất tại Tây Ninh, trong năm 2010 IPC cũng đã tiến hành đầu tư các dây chuyền thổi chai online kết nối trực tiếp với các nhà máy của khách hàng, cụ thể gồm có:

- o Hệ thống thổi chai online tại nhà máy Pepsico tại Cần Thơ.
- o Hệ thống thổi chai online cho Coke tại Đà Nẵng.

Mặt khác, nhằm gia tăng thị phần của dòng PET trên thị trường, cuối tháng 6 năm 2010 NNC đã gia tăng tỷ lệ nắm giữ tại Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam (VNP) từ các cổ đông hiện hữu để trở thành cổ đông sở hữu 99% vốn sở hữu và toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh của VNP.

Tiếp nối việc thực hiện định hướng phát triển NNC thành Tập đoàn Công nghiệp mạnh ở Việt Nam trên cơ sở đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp bao bì PET và công nghiệp thực phẩm, ngày 20/08/2009 NNC đã tiến hành thành lập Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú (HPF) với số vốn điều lệ đăng ký là 90 tỷ đồng. Những ngày cuối tháng 10/2010 dòng sản phẩm nước mắm đầu tiên với thương hiệu KABIN đã được tung ra thị trường. Mặc dù thời gian tung hàng có trễ hơn so với kế hoạch dự kiến, sản phẩm nước mắm KABIN đã được người tiêu dùng đón nhận một cách nồng nhiệt, mang lại doanh thu hơn 33 tỷ đồng cho ngành thực phẩm của NNC trong năm 2010, đồng thời đánh dấu thành công ban đầu của ngành thực phẩm trên con đường phát triển đưa NNC trở thành một tập đoàn công nghiệp mạnh tại Việt Nam.

Khi nhu cầu đầu tư ngày một tăng đã đòi hỏi một nguồn lực tài chính lớn và vững mạnh để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư, vì vậy cuối năm 2010 NNC đã tiến hành xin phép phát hành thêm cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 8:3, giá phát hành bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ của NNC từ 380 tỷ đồng lên 522,5 tỷ đồng.

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2010

2.1. TÌNH HÌNH KINH TẾ 2010

Tình hình kinh tế thế giới năm 2010 có nhiều diễn biến phức tạp, cuộc khủng hoảng vẫn còn hoành hành tại 2 nền kinh tế lớn của thế giới là Mỹ và Châu Âu, mâu thuẫn lợi ích thời hậu khủng hoảng đang tiềm ẩn nguy cơ chiến tranh tiền tệ cấp toàn cầu.

Năm 2010 tiếp tục chứng kiến sự nổi dậy của Châu Á trên bản đồ kinh tế và quyền lực thế giới. Bên cạnh sự bành trướng của Trung Quốc, Ấn Độ được dự báo là một đối thủ đáng gờm của bất cứ thế lực kinh tế nào. Theo dự báo của ngân hàng Standard Chartered, vào năm 2030, cường quốc Nam Á sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới sau Trung Quốc và Mỹ.

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế toàn cầu, dù nội lực của nền kinh tế còn chưa mạnh, nhưng Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng năm 2010 là 6,78%, cao hơn kế hoạch đề ra ban đầu là 6,5%.

Tổng nguồn vốn đầu tư của toàn xã hội trong năm 2010 ước đạt 830,3 ngàn tỷ đồng, tăng 17,1% so với năm 2009.

Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2010 đạt hơn 71,6 tỷ USD, tăng trưởng 25,5% so với năm 2009 và gấp bốn lần so với chỉ tiêu kế hoạch đã được Quốc hội thông qua (hơn 6%).

Bên cạnh những thành tựu chung thì nhìn lại năm 2010, nền kinh tế Việt Nam cũng bộc lộ nhiều vấn đề. Kinh tế vĩ mô vẫn thiếu nền tảng vững chắc, chất lượng tăng trưởng thấp, tiềm ẩn không ít rủi ro và bất trắc, nếu không sớm khắc phục sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định trong những năm tiếp theo.

Quốc hội đặt chỉ tiêu lạm phát năm 2010 dự kiến ở mức 7-7,5%. Sau 6 tháng, trước tình hình giá cả thế giới biến động, giá cả đầu vào của nhiều loại nguyên liệu biến động bất thường, mức lạm phát đã được Quốc hội điều chỉnh lên mức 8,5%. Kết quả thực tế lạm phát năm 2010 là 11,75%. Như vậy, trong vòng bốn năm qua, có tới ba năm mức lạm phát ở mức 2 con số (năm 2007 là 12,63%, năm 2008 là 22,97%). Việc CPI năm 2010 lên mức 2 con số đã tạo nên cơn bão giá, khiến doanh nghiệp và người dân đều gặp khó khăn.

Năm 2010 cũng là năm đầy biến động với việc bùng nổ cơn sốt lãi suất huy động với việc chạy đua tăng lãi suất của các ngân hàng, mặc dù đã được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh, xử lý nhưng cũng cho thấy vấn đề quản lý vẫn còn chậm, chưa chủ động trong việc dự đoán tình hình để chỉ đạo.

Năm 2010 cũng là năm thị trường vàng có những cơn sốt kinh ngạc. Mặc dù tỷ suất lợi nhuận đầu tư vào vàng năm qua đạt khoảng 38%. Tuy nhiên, điều này về tổng thể không có lợi cho nền kinh tế, bởi nó không những không tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, nó còn góp phần làm méo mó dây chuyền sang các thị trường khác như USD, nhà đất và chứng khoán;

Năm 2010 cũng là năm việc thiếu điện đã khiến nhiều doanh nghiệp bị đình đốn sản xuất, gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế (không chỉ cho khách hàng mà cả cho đơn vị cung cấp).

Diễn biến tỷ giá trong năm 2010 là khá phức tạp. Mặc dù NHNN đã điều chỉnh nâng tỷ giá liên ngân hàng hai lần vào tháng 2 và tháng 10, khoảng cách giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do luôn ở mức cao. Tỷ giá chính thức có thời điểm thấp hơn tỷ giá trên thị trường tự do

tới 10%. Đến cuối tháng 11 năm 2010, tỷ giá trên thị trường tự do đã đạt mức 21.500 đồng/USD; Những bất ổn về tỷ giá có nguyên nhân sâu xa từ những bất ổn về kinh tế vĩ mô đó là bội chi cao, nhập siêu lớn và hiệu quả đầu tư công thấp,... làm cho cầu ngoại tệ luôn lớn hơn cung ngoại tệ. Bội chi ngân sách năm 2010 ước khoảng 117.100 tỷ đồng, bằng khoảng 5,95% GDP, là một trong những nhân tố góp phần làm gia tăng lạm phát.

2.2. TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA NNG TRONG NĂM 2010

Theo định hướng chiến lược phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua, năm 2010 là năm trọng điểm đầu tư của NNG trong kế hoạch đầu tư ngành PET giai đoạn 2009-2011 và mở rộng đầu tư lĩnh vực công nghiệp thực phẩm.

2.2.1. Ngành PET (NNC, VNP, IPC)

Kể từ khi thành lập đến nay, Ngọc Nghĩa đã thể hiện và giữ vững thế mạnh của mình trong vai trò nhà cung cấp bao bì PET hàng đầu tại Việt Nam. Công ty có ưu thế vượt trội so với các nhà sản xuất chai PET khác về công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, hệ thống thiết kế, phát triển, đảm bảo chất lượng sản phẩm, năng lực cung cấp và dịch vụ sau bán hàng.

Nhiều năm liền, NNC duy trì vị trí đơn vị dẫn đầu về thị phần ngành nhựa PET Việt Nam tiêu thụ nội địa (với thị phần ~ 30%→35%). Với hệ thống khách hàng rộng lớn và uy tín về chất lượng, các công ty hàng đầu như: Coke, Big Cola, Bảo vệ thực vật An Giang, Dầu ăn Tường An, Dầu thực vật Tân Bình, Golden Hope Nhà Bè, Lavie, Masan,... cũng đã tin tưởng và lựa chọn NNG là nhà cung cấp bao bì dài hạn.

Năm 2010, NNC cũng đã hoàn tất đầu tư mở rộng cho ngành PET theo kế hoạch. Nhà máy InterPET tại KCN Linh Trung 3 đi vào hoạt động và phát sinh doanh thu, lợi nhuận trong năm. Công ty cũng đã tăng vốn đầu tư vào VNP nâng tỷ lệ sở hữu lên 99%. Các dự án như thổi chai trực tuyến Vinamilk tại Bình Dương, Coke tại Đà Nẵng, PepsiCo tại Cần Thơ cũng đã đi vào hoạt động và mang lại lợi nhuận. Với sự đầu tư này, định hướng đầu tư ngành PET của NNG được chuyên môn hóa ngày càng rõ rệt để khai thác tối đa nhu cầu thị trường với các phân khúc khác nhau: VNP – phân khúc kinh tế; NNC – phân khúc trung & cao cấp; IPC – xuất khẩu.

Về sản phẩm: Năm 2010 NNC đã thuyết phục thành công PepsiCo và Coke chuyển đổi công nghệ cổ chai và nắp từ 1810 sang chuẩn PCO28-1881. Với công nghệ mới này giúp cho chi phí sản xuất sản phẩm giảm vì công nghệ mới tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu hơn so với công nghệ cũ khi sản xuất cùng một sản phẩm. Qua đó, khách hàng của NNC sẽ tốn ít chi phí hơn khi mua sản phẩm từ NNC, giúp gia tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm của NNC và cho chính sản phẩm của khách hàng. Với những thành công này, NNC được lựa chọn là nhà sản xuất các sản phẩm PET đầu tiên tại Đông Nam Á ứng dụng công nghệ mới.

Dòng sản phẩm chủ lực có sự đóng góp to lớn vào kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2010 vẫn là chai và nắp, riêng sản phẩm nắp đã được công ty chú trọng đầu tư trong năm 2010 nhưng mức độ đóng góp chưa cao do dòng sản phẩm này mới được công ty quan tâm đầu tư trong năm 2010 nên cần có thời gian để sản phẩm này trở thành một dòng sản phẩm chủ lực của công ty trong tương lai.

2.2.2. Ngành thực phẩm (DAF & HPF)

Công ty CP Thực phẩm Đông Á và Công ty CP Thực phẩm Hồng Phú đều đã chính thức hoàn tất việc tung hàng cho những SP đầu tiên ngành Food của NNG trong 2010. Sản phẩm nước mắm và một số SKUs chính ngành bánh đã được thị trường đón nhận tương đối và đánh giá cao về chất lượng. Các công ty ngành thực phẩm trong hệ thống NNG đã nhận nhận chứng chỉ ISO 22000 và HACCP.

Năm 2010, ngành công nghệ thực phẩm (Food) vừa hoàn tất quá trình đầu tư và còn trong giai đoạn cải tiến và hoàn thiện sản phẩm, tổ chức,... việc thực hiện triển khai kế hoạch đầu ra cũng như kiểm soát chi phí linh hoạt theo doanh thu chưa hiệu quả nên kết quả HĐSXKD ngành Food đã không đạt được như kế hoạch, tạo gánh nặng về lợi nhuận chung cho NNG.

Tuy nhiên, sự ra đời của DAF và HPF phần nào hiện thực định hướng phát triển theo mục tiêu chiến lược trở thành Tập đoàn Công nghiệp mạnh tại Việt Nam trên cơ sở đẩy mạnh phát triển ngành bao bì PET và công nghệ thực phẩm.

2.3. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC & HẠN CHẾ TỒN TẠI

2.3.1. Kết quả đạt được

Mặc dù nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng còn nhiều khó khăn thách thức, nhưng với sự phấn đấu đầy quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên, năm 2010 NNG đã đạt được một số kết quả điển hình như sau:

- Các dự án đầu tư trong 2010 đều đã phát sinh doanh thu, một số dự án đã mang lại lợi nhuận đóng góp đáng kể vào tổng lợi nhuận của NNG.
- Bước đầu thành lập một số khối chức năng theo định hướng tập đoàn, cụ thể:
 - o Khối Tài chính – Kế toán (FAD).
 - o Khối Hành chính – Nhân sự.
 - o Khối Cung ứng (SMD).
 - o Khối Bán hàng ngành thực phẩm (FDD).
- Thực hiện quản trị dòng tiền và quản trị tín dụng theo mô hình tập đoàn bước đầu đạt được nhiều kết quả tốt, tiết giảm đáng kể chi phí cho NNG;
- Các chỉ số khả năng thanh toán của NNC được cải tiến lành mạnh, tỷ lệ doanh thu/tài sản cố định đạt 1.89 so với 1.36 ở năm 2009.

2.3.2. Hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, NNG vẫn còn nhiều hạn chế tồn tại, việc nhận định đúng các hạn chế này sẽ giúp NNG có giải pháp khắc phục trong thời gian tới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của NNG.

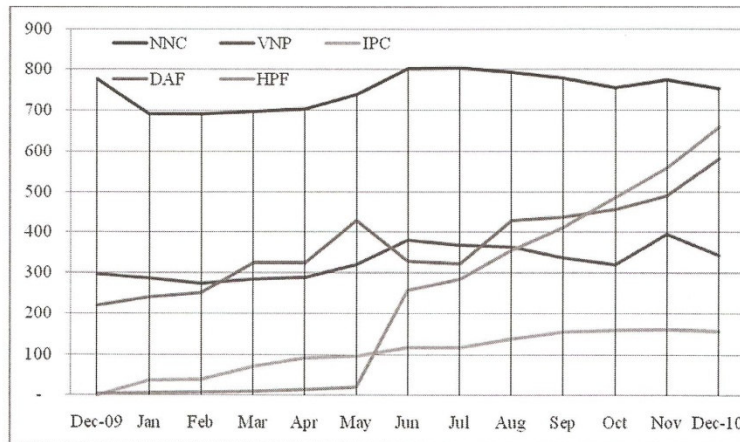
Mục tiêu đã đề ra	Kết quả thực hiện
Tập trung khai thác các mặt hàng có giá trị gia tăng cao nhằm nâng cao hơn tỷ suất lợi nhuận trong ngành hàng PET	Chưa chủ động được đơn hàng nên chỉ dừng lại ở việc đáp ứng nhu cầu khách hàng mà chưa có sự chọn lọc ưu tiên theo sản phẩm có lợi nhuận cao.
Đẩy mạnh xuất khẩu phiêu và nắp (trung bình 1 triệu USD/tháng)	Doanh thu 2010 từ xuất khẩu ~ 3,4% tổng doanh thu, bao gồm doanh thu bán cho Khu chế xuất.
Khai thác tối đa công suất từ dự án Vinamilk	Tiến hành sản xuất từ tháng 3 nhưng tổng 2010 chỉ cung cấp được ~18% công suất hữu dụng trong năm
Hỗ trợ DAF phần đầu có lãi 2010	Không thành công
Hoàn thành kế hoạch ngân sách trong 2010 và nhanh chóng đưa vào kiểm soát để đảm bảo kiểm soát hiệu quả chỉ tiêu hoạt động kinh doanh.	Công tác triển khai chậm nên 2010 vẫn kiểm soát thu chi theo sự vụ dẫn đến rủi ro về đảm bảo chỉ tiêu tài chính trong năm.
Phần đầu đưa máy sản xuất nắp Sacmi của IPC vào hoạt động hết công suất trong quý 4/2010	Kết thúc 2010, hệ thống nắp chỉ khai thác được 30,9% công suất, tháng 12 khai thác được ~70% công suất.
Khai thác hết 100% công suất thiết bị có thể của dây chuyền bánh mềm số 1 trong quý 4/2010	Khai thác 48,4% công suất tính trung bình cả năm
Các dự án ngành thực phẩm cam kết tung hàng đúng hạn	Do chậm trễ về tiến độ tung hàng đã gây không ít thiệt hại cho NNG nói chung trong năm

2.4. TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tính đến ngày 31/12/2010, tổng nhân sự của toàn hệ thống NNG là 2.496 người, tăng gần gấp

đôi so với thời điểm đầu năm 2010. Nguyên nhân số nhân sự của NNG tăng nhanh là do các dự án triển khai năm 2010 đi vào hoạt động nên nhu cầu tuyển dụng tăng cao, cụ thể trong năm có 2 đơn vị đi vào hoạt động trong năm 2010 là IPC và HPF.

ĐƠN VỊ	Dec-09	Jan	Dec-10
NNC	776	692	753
VNP	297	286	344
IPC	-	38	157
DAF	219	241	582
HPF	4	7	661
TỔNG	1.296	1.264	2.496



Về cơ cấu: Số lượng nhân viên văn phòng chiếm ~9,5%, ~58,7% thuộc về khối sản xuất và ~31,9% còn lại thuộc khối bán hàng ngành thực phẩm (FDD).

Về chính sách nhân sự: Trong năm, bộ phận nhân sự cũng đã tiến hành hiệu chỉnh và ban hành một số chính sách theo định hướng thu hút nhân tài, đào tạo - huấn luyện và bồi dưỡng đội ngũ nhân sự hiện tại nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho công ty, đồng thời tạo niềm tin và sự gắn bó của nhân sự đối với công ty.

2.5. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NĂM 2010

2.5.1. Kết quả thực hiện doanh thu thuần

Kết quả thực hiện doanh thu thuần năm 2010 của các đơn vị thành viên NNG như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	ĐƠN VỊ	Thực hiện 2010	Chỉ tiêu 2010 (*)	% đạt chỉ tiêu	Chỉ tiêu 2010 điều chỉnh (**)	% đạt chỉ tiêu
1	NNC	1.175	991	118,6%	1.038	113,3%
2	VNP	206	181	113,6%	223	92,3%
3	IPC	345	353	97,8%	221	156,1%
4	DAF	71	170	41,7%	84	84,6%
5	HPF	33	237	14,1%	339	9,8%
	NNG	1.203	1.742	69,1%	1.601	75,2%

(*) Chỉ tiêu do Đại hội cổ đông năm 2010 ngày 17/03/2010 phê duyệt.

(**) Chỉ tiêu do Hội đồng quản trị điều chỉnh vào giữa năm 2010.

2.5.2. Kết quả thực hiện lợi nhuận sau thuế

Kết quả thực hiện lợi nhuận sau thuế năm 2010 của các đơn vị thành viên NNG như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	ĐƠN VỊ	Thực hiện 2010	Chỉ tiêu 2010 (*)	% đạt chỉ tiêu	Chỉ tiêu 2010 điều chỉnh (**)	% đạt chỉ tiêu
1	NNC	77.6	128.9	60,2%	84.5	91,8%
2	VNP	25	20.0	125%	23.4	106,9%
3	IPC	32	35.3	90,7%	22.6	141,4%
4	DAF	(42)	(8.3)	-511%	(16.0)	-265,3%
5	HPF	(25)	(4.0)	-635,7%	(10.7)	-235%
	NNG	48.6	157.7	30,8%	96.5	50,4%

(*) Chỉ tiêu do Đại hội cổ đông năm 2010 ngày 17/03/2010 phê duyệt.

(**) Chỉ tiêu do Hội đồng quản trị điều chỉnh vào giữa năm 2010.

2.6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN

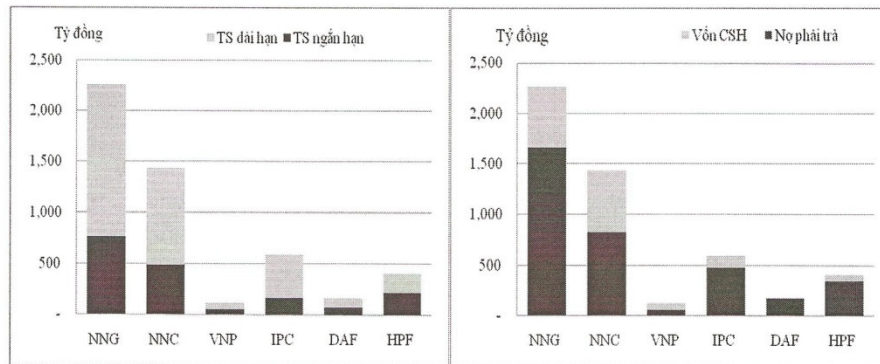
Tổng tài sản của NNG đến ngày 31/12/2010 đã tăng 77,76% so với đầu năm, trong đó nguyên nhân tăng chủ yếu là do đầu tư vào các công ty con như: IPC (169 tỷ đồng), DAF (15 tỷ đồng), HPF (212 tỷ đồng).

Trong cơ cấu tài sản cuối năm, tài sản dài hạn có xu hướng giảm nhưng mức độ không đáng kể, và hiện chiếm 67,4% tổng tài sản của NNG.

STT	CHỈ TIÊU	01/01/2010 (Tỷ đồng)	31/12/2010 (Tỷ đồng)	Biến động (%)
1	Tổng Tài sản – Nguồn vốn	1,259	2,238	77,76%
2	Cơ cấu tài sản			
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	29,98%	32,55%	8,59%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	70,02%	67,45%	-3,68%
5	Cơ cấu nguồn vốn			
6	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	59,72%	74,19%	24,23%
7	Vốn Chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	40,28%	25,81%	-35,92%

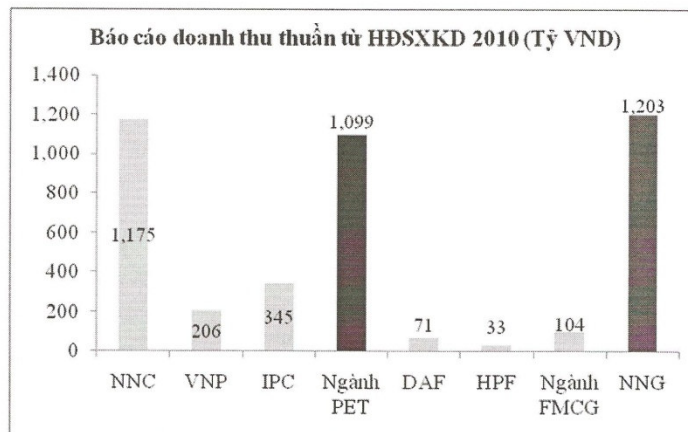
Tỷ lệ nợ của NNG hiện ở mức rất cao (*chiếm hơn 74% tổng tài sản*). Đây là tỷ lệ tất yếu đối với các doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư và sử dụng đòn cân nợ. Trong thời gian tới, NNG sẽ nhanh chóng khai thác hiệu quả các dự án đã triển khai nhằm cải tiến chỉ số này trong thời gian tới, giảm bớt rủi ro tài chính cho tập đoàn.

Chi tiết cơ cấu tài sản cuối năm của từng công ty thành viên NNG tại thời điểm 31/12/2010 như sau:



2.7. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2010 của toàn NNG đạt 1.203 tỷ đồng, phần lớn đến từ ngành truyền thống của NNG là PET (chiếm 91,3%). Ngành Food trong giai đoạn đầu tư ban đầu nên đóng góp doanh thu chưa đáng kể cho hệ thống. Trong số các công ty ngành PET thì NNC chiếm phần lớn doanh số, tuy nhiên, trong năm 2010 có sự biến động đáng lưu ý là sự đóng góp doanh thu của IPC ở năm đầu hoạt động đã vượt qua VNP nhờ vào dây chuyền hiện đại được đầu tư với quy mô lớn.

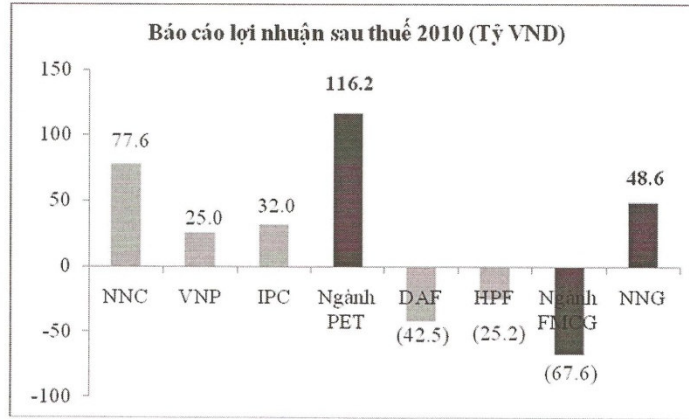


Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của toàn NNG năm 2010 đạt được 48,58 tỷ đồng. Trong đó lợi nhuận đến từ các công ty ngành PET truyền thống, các công ty ngành thực phẩm do mới đi vào hoạt động năm đầu tiên 2010 nên chưa thể có lợi nhuận ngay trong năm đầu tiên, nguyên nhân do chi phí marketing xây dựng thương hiệu trong giai đoạn đầu của các công ty ngành thực phẩm thường rất cao.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

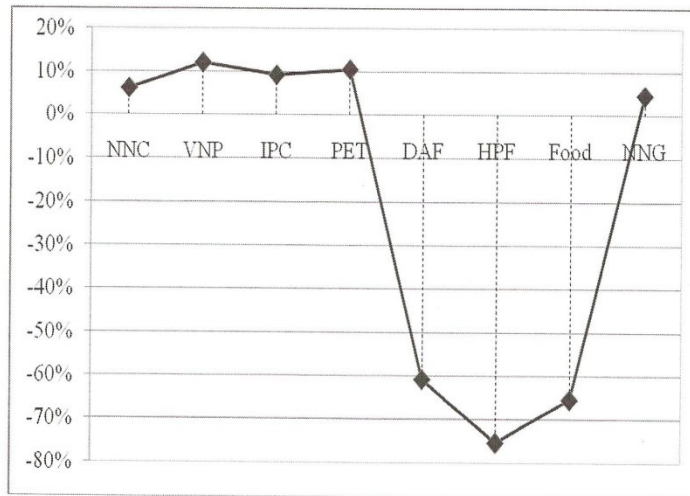
Triệu đồng	NNC	VNP	IPC	PET	DAF	HPF	Food	NNG
Doanh thu thuần	1,175,234	206,112	345,253	1,098,957	70,930	33,389	104,319	1,203,276
Giá vốn	926,796	152,880	265,212	743,500	52,814	20,853	73,667	817,167
Lợi nhuận gộp	248,439	53,232	80,041	355,457	18,116	12,536	30,652	386,109
Chi phí Sales & MKT	36,497	9,424	6,851	48,336	47,728	13,619	61,347	109,683
Chi phí quản lý	43,213	8,786	10,905	63,446	7,019	13,691	20,710	84,155

Lợi nhuận HĐKD	168,729	35,022	62,285	243,675	(36,630)	(14,774)	(51,404)	192,271
Chi phí tài chính	74,818	5,823	31,013	109,175	6,449	10,491	16,940	126,115
Thuế TNDN	23,677	4,559	316	26,476				26,476
Lợi nhuận ròng	77,597	25,015	32,005	116,191	(42,460)	(25,152)	(67,612)	48,579



Nếu so với lợi nhuận của năm 2009, khi đó NNG chỉ có NNC và DAF cùng với công ty liên kết VNP nhưng tổng lợi nhuận của NNG năm 2009 đạt 87,8 tỷ, cao hơn mức lợi nhuận của năm 2010 của toàn hệ thống. Trong đó, lợi nhuận năm 2009 của bản thân NNC là 95,1 tỷ, với mức doanh thu 750 tỷ, tương đương với tỷ suất lợi nhuận ròng của NNC năm 2009 là 12,68%.

Tỷ suất lợi nhuận ròng trên doanh thu của NNG năm 2010 là 4,04%, của ngành PET là 10,57% và ngành thực phẩm là -64,81%. Như vậy, so với năm 2009, tỷ suất lợi nhuận của ngành PET giảm đáng kể (năm 2009, tỷ suất lợi nhuận ròng PET là 12,8% - khi đó chỉ gồm NNC và VNP).

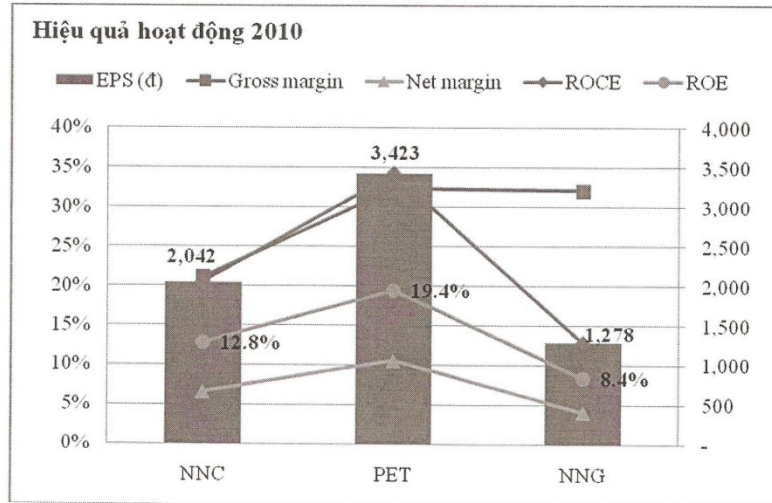


Nguyên nhân làm cho tỷ lệ lợi nhuận ròng năm 2010 của ngành PET suy giảm là do chi phí giá vốn sản xuất năm 2010 tăng cao hơn chỉ tiêu do sự gia tăng chi phí nguyên vật liệu chính.

Riêng với ngành thực phẩm, nguyên nhân khác là do chưa ổn định về định mức SP và kiểm soát tỷ lệ tiêu hao giai đoạn đầu.

Tỷ suất sinh lợi ròng năm 2010 NNG giảm so với 2009 do hợp nhất khoản lỗ từ thực phẩm.

Tương tự, các chỉ số hiệu quả hoạt động của NNG cũng giảm từ nguyên nhân trên nhưng xét riêng PET thì EPS tăng 32,4%; ROCE tăng từ 23,7% lên 34,2% và ROE tăng từ 17,3% lên 19,4%. Điều này cho thấy, việc tăng góp vốn vào VNP và đầu tư vào IPC mang lại hiệu quả đáng kể cho cổ đông NNC trong 2010.



2.8. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐẦU TƯ

Tổng đầu tư 2010 của toàn NNG là 623,3 tỷ đồng (chiếm 100,7% ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, và chiếm tỷ lệ 94,2% ngân sách đầu tư do Hội đồng quản trị điều chỉnh giữa kỳ năm 2010). Trong đó, DAF và HPF chưa hoàn tất việc đầu tư trong năm 2010 và sẽ tiếp tục đầu tư trong 2011 cho các hạng mục còn lại. Riêng IPC bội chi đầu tư vượt ngân sách lớn do nhận chuyển giao dự án Cần Thơ và Đà Nẵng từ NNC và tăng đầu tư vượt giá trị ngân sách đầu tư cho giai đoạn 2.

Chi tiết đầu tư năm 2010 của NNG như sau:

- Đầu tư cho ngành PET: 193,2 tỷ đồng
- Đầu tư cho ngành công nghiệp thực phẩm: 227,4 tỷ đồng
- NNC đầu tư vào công ty con: 202,5 tỷ đồng

So với ngân sách HĐQT đã phê duyệt, ngân sách chưa sử dụng là 38,7 tỷ đồng. Nguồn này sẽ được dùng để tiếp tục đầu tư hoàn tất dự án ERP cho NNG và dự án Biscuit stick DAF. Riêng 68,2 tỷ đồng cho dự án HPF giai đoạn 2 sẽ đầu tư tùy thuộc vào diễn biến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HPF.

13/01/2011

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2010

3.1. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY CP NHỰA NGỌC NGHĨA

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa theo Báo cáo tài chính đã được công ty kiểm toán KPMG kiểm toán là 77.597.472.078 đồng (*Bảng chữ: Bảy mươi bảy tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn, bảy mươi tám đồng*).

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

- ✦ Trích 5,9% lợi nhuận sau thuế bổ sung Quỹ khen thưởng và phúc lợi, tương đương với số tiền là 4.567.140.259 đồng.
- ✦ Góp vốn cho công ty thành viên HPF đối với phần vốn góp còn thiếu và dự phòng góp tăng vốn cho DAF, số tiền tương đương là 24.770.217.419 đồng.

Số liệu phân phối lợi nhuận năm 2010 cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	TỶ LỆ (%LNR)	SỐ TIỀN (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế			100,673,562,974
2	Thuế TNDN phải nộp	Thuế suất	22,9%	23,076,090,896
3	Lợi nhuận sau thuế	(1) - (2)		77,597,472,078
4	Trích lập quỹ Dự phòng tài chính	(3) x 0%	0%	-
5	Trích lập quỹ Khen thưởng & Phúc lợi	(3) x 4,7%	5,9%	4,567,140,259
6	Chia cổ tức		0%	-
7	Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích các quỹ và chia cổ tức	(3)-(4)-(5)-(6)		73,030,331,819
8	Góp vốn HPF phần còn thiếu và góp tăng vốn cho DAF		24,6	24,770,217,419
9	Lợi nhuận giữ lại năm 2010 (*)			48,260,114,400

* Phần lợi nhuận còn lại sẽ được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận chưa phân phối. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền quyết định việc sử dụng phần lợi nhuận giữ lại này và lợi nhuận giữ lại cộng dồn các năm trước để thực hiện tiếp việc đầu tư (bao gồm đầu tư tài sản cố định, đầu tư góp vốn và đầu tư khác) trong năm 2011 nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

3.2. LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY CON

3.2.1. Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam (Vinapet)

Tại thời điểm 31/12/2010. Công ty CP Nhựa Ngọc Nghĩa sở hữu 2.338.776 cổ phần của Công ty CP Nhựa Pet Việt Nam, tương ứng với tỷ lệ 99% vốn điều lệ.

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam theo Báo cáo tài chính

đã được công ty kiểm toán KPMG kiểm toán là 25.014.855.361 đồng, số liệu chi tiết như sau:

STT	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	TỶ LỆ	SỐ TIỀN (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế			29.573.429.296
2	Thuế TNDN phải nộp	Thuế suất	15,41%	(4.558.573.935)
3	Lợi nhuận sau thuế	(1) - (2)		25.014.855.361

Tính tới thời điểm hiện tại, VinaPet chưa tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 để thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2010. Hội đồng Quản trị NNC sẽ cập nhật đến Quý cổ đông chi tiết tình hình chia cổ tức của VinaPet sau khi có kết quả chia cổ tức của VNP.

3.2.2. Công ty Cổ phần PET Quốc Tế (Interpet)

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty CP Nhựa Ngọc Nghĩa sở hữu 7.840.000 cổ phần của Công ty CP Pet Quốc Tế, tương ứng với tỷ lệ 98% vốn điều lệ.

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Công ty Cổ phần PET Quốc Tế theo Báo cáo tài chính đã được công ty kiểm toán KPMG kiểm toán là 32.005.245.006 đồng, số liệu chi tiết như sau:

STT	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	TỶ LỆ	SỐ TIỀN (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế			32.321.627.071
2	Thuế TNDN phải nộp	Thuế suất	0,98%	(316.382.065)
3	Lợi nhuận sau thuế	(1) - (2)		32.005.245.006

Tính tới thời điểm hiện tại, InterPet chưa tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 để thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2010. Hội đồng Quản trị NNC sẽ cập nhật đến Quý cổ đông chi tiết tình hình chia cổ tức của InterPet sau khi có kết quả chia cổ tức của Interpet.

3.2.3. CTCP Thực phẩm Đông Á và CTCP Thực phẩm Hồng Phú

Các công ty con: Công ty CP Thực phẩm Đông Á (DAF) và Công ty CP Thực phẩm Hồng Phú (HPF) trong năm 2010 hoạt động lổ nên không có kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2010.



 TP. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2011
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA NGỌC NGHĨA
 Chủ tịch

LA VĂN HOÀNG

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH 2011-2013

4.1. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

Mục tiêu chiến lược của công ty trong vòng 5 năm tới kể từ năm 2011 của hệ thống Ngọc Nghĩa group (NNG) là phát triển mạnh ngành công nghiệp bao bì PET và công nghiệp thực phẩm để đưa NNG trở thành một tập đoàn công nghiệp mạnh tại Việt Nam.

Trong vòng 05 năm sẽ đưa NNG trở thành một tập đoàn công nghiệp mạnh tại Việt Nam trên cơ sở đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp bao bì PET và công nghiệp thực phẩm

2011 > 2012 > 2013 > 2014 > 2015

Mục tiêu này để thể hiện xuyên suốt trong kế hoạch kinh doanh và tất cả các chương trình hoạt động của NNC và các công ty thành viên NNG.

4.2. MỤC TIÊU TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2013

Bên cạnh mục tiêu chiến lược trở thành một tập đoàn công nghiệp mạnh tại Việt Nam, kế hoạch sản xuất kinh doanh của NNG phải đảm bảo được mục tiêu kế hoạch tài chính trong giai đoạn 2011-2013 với các chỉ tiêu được hoạch định như sau:

CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu (tỷ đồng)	2.256	3.022	3.674
Lợi nhuận gộp (%)	28%	34%	36%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	90.7	225.9	339
Tổng tài sản (tỷ đồng)	2.469	2.674	2.818
Tổng nợ / Tổng tài sản (lần)	0.69	0.65	0.56
EPS (Đồng / cổ phần)	1.735	3.759	4.708
ROCE	17.4%	37.6%	47.1%
ROE	11.8%	23.8%	27.6%

4.3. CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2011-2013

Chiến lược phân phối cổ tức giai đoạn 2011 – 2013 được hoạch định như sau:

- o Năm 2011: Chia cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu với mức chia tương ứng bằng 15% tổng vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thực hiện việc phân phối cổ tức.

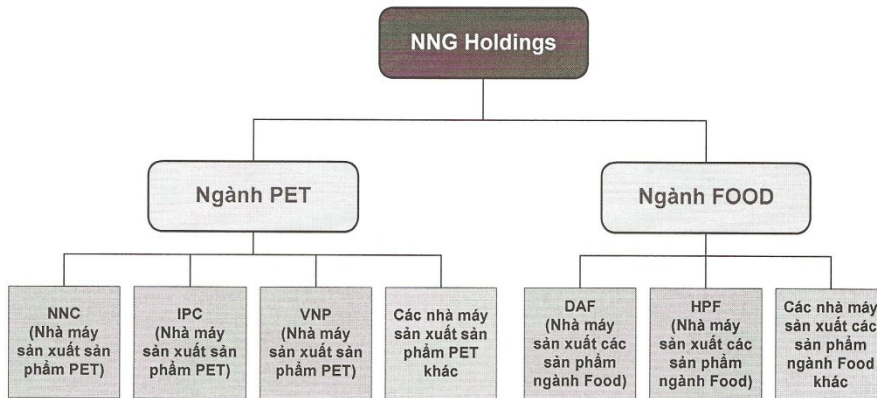
- o Năm 2012: Chia cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu với mức chia tương ứng bằng 20% tổng vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thực hiện việc phân phối cổ tức.
- o Năm 2013: Thực hiện phân phối cổ tức cho cổ đông theo 2 hình thức.
 - ✓ Chia cổ tức bằng cổ phiếu với mức chia tương ứng bằng 10% tổng vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thực hiện việc phân phối cổ tức.
 - ✓ Chia cổ tức bằng tiền mặt với mức chia tương ứng bằng 5% tổng vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thực hiện việc phân phối cổ tức.

Chiến lược chi trả cổ tức được hoạch định trên cơ sở hài hòa giữa lợi ích của cổ đông và mục tiêu tích lũy nguồn vốn cho nhu cầu phát triển và thực thi các mục tiêu chính lược 5 năm giai đoạn 2011-2015.

4.4. MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Mô hình tổ chức của hệ thống Ngọc Nghĩa sẽ được từng bước xây dựng và hoàn thiện theo định hướng tập đoàn trước năm 2015. Theo đó, công ty mẹ chỉ đóng vai trò là đơn vị đầu tư vốn thực hiện các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty con và chỉ đạo chiến lược, điều hành các chính sách chung để các công ty này có thể phát triển sản xuất kinh doanh các ngành hàng theo định hướng chiến lược của công ty mẹ.

Mô hình tổ chức dự kiến của NNG sẽ được xây dựng theo mô hình sau:



4.5. CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ - ĐIỀU HÀNH

Đội ngũ nhân sự của NNG trong thời gian tới sẽ được rà soát đánh giá, đào tạo và tái cơ cấu nhằm mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự theo chiều hướng chuyên nghiệp hóa, ít về số lượng nhưng hiệu quả về chất lượng.

Các chính sách về nhân sự của công ty vì thế cũng được xây dựng và hoàn thiện theo định hướng thu hút và trọng dụng nhân tài cho nhu cầu phát triển của NNG. Chính sách đãi ngộ của công ty luôn hướng đến sự công nhận và khen thưởng thật xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có những thành tích nổi bật cống hiến cho sự phát triển của công ty.

Công tác tuyển dụng nhân sự phải đạt được mục tiêu tìm được những nhân sự thực sự có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng được nhu cầu công việc với nhiều áp lực, phong cách làm việc chuyên nghiệp, luôn luôn sẵn sàng đương đầu với thách thức để hoàn thành công việc với chất lượng tốt nhất trong thời gian ngắn nhất và một tinh thần cầu tiến.

Về mặt tổ chức điều hành: thực hiện xây dựng bộ máy quản lý và điều hành theo nhóm ngành (PET, FOOD) nhằm mục tiêu xây dựng bộ máy tinh gọn và linh hoạt trong quá trình vận hành, tiết giảm tối đa các khoản chi phí không cần thiết, khai thác tối đa hiệu quả của hệ thống các công ty cùng ngành cho sự phát triển chung của NNG.

18/10/2015 - 15:00

4.6. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Việc niêm yết cổ phiếu của NNG trên sàn giao dịch chứng khoán phải được xem xét trên cần trọng nhằm đảm bảo các thể mạnh và lợi thế tổng thể của toàn tập đoàn được phản ánh đầy đủ vào giá trị của cổ phiếu, qua đó giúp mang lại giá trị lợi ích tối đa cho từng cổ đông của công ty.

Về thời điểm niêm yết: thời điểm niêm yết được xác định dựa trên điều kiện sẵn sàng tốt nhất của nội tại cổ phiếu NNG và điều kiện thị trường chứng khoán. Hội đồng quản trị xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị của công ty toàn quyền trong việc lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc niêm yết, sau khi Hội đồng quản trị lựa chọn được thời điểm niêm yết thích hợp sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông.

4.7. CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC RIÊNG CHO NGÀNH PET

4.7.1. Mục tiêu lợi nhuận và tăng trưởng lợi nhuận

Mục tiêu hàng đầu đối với ngành PET của NNG trong giai đoạn 2011-2013 là tăng trưởng lợi nhuận hàng năm, với mức độ tăng trưởng của lợi nhuận hàng năm tối thiểu là 15%, đảm bảo đến năm 2013 riêng ngành PET của NNG sẽ đạt mức lợi nhuận ròng là 250 tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận ròng hàng năm của ngành PET không thấp hơn 7,5% và giá vốn hàng bán (COGS) không được vượt quá 75% doanh thu tương ứng.

4.7.2. Mục tiêu thị trường và thị phần

Giai đoạn 2011-2013, ngành PET phải đảm bảo đạt được các chỉ tiêu về thị phần và thị trường như sau:

- Giữ vững vị trí là đơn vị dẫn đầu trong ngành bao bì PET tại Việt Nam với thị phần chiếm giữ đạt mức tối thiểu là 30% tổng thị phần của các sản phẩm PET.
- Chăm sóc khách hàng hiện hữu với các dịch vụ chuyên nghiệp cùng với việc không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm và nâng cao tính cạnh tranh về giá của sản phẩm để giữ chân các khách hàng hiện tại, đồng thời gia tăng doanh số từ nhóm khách hàng này.
- Phát triển khách hàng mới theo xu hướng có chọn lọc những khách hàng phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của NNG và có thể mang lại những giá trị lợi ích nhất định cho cả hai bên (NNG và khách hàng).
- Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu đối với các sản phẩm ngành PET, mục tiêu doanh thu từ hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ lệ tối thiểu bằng 10% doanh thu của ngành PET trong giai đoạn 2011-2013, đồng thời mức tăng trưởng của doanh thu xuất khẩu hàng năm phải đạt từ mức 40%/năm trở lên.
- Tăng cường công tác tiếp thị các sản phẩm mới đến khách hàng để kích thích nhu cầu tiêu thụ của các dòng sản phẩm mới.
- Theo dõi sát sao sự biến động của thị trường nguyên liệu đầu vào để có thể lựa chọn những giải pháp đầu vào hiệu quả nhất.
- Thực hiện cắt giảm tối đa các khoản chi phí chưa mang lại hiệu quả tương xứng để vừa đảm bảo thực hiện mục tiêu hàng đầu của ngành PET là lợi nhuận và tăng trưởng lợi nhuận, vừa tạo được lợi thế cạnh tranh về giá bán cho các sản phẩm PET tạo điều kiện gia tăng thị phần ngành PET.
- Tận dụng lợi thế dẫn đầu ngành PET của NNG để cập nhật, đi trước dẫn dắt thị trường về công nghệ, về các tiêu chuẩn và các sản phẩm mới của ngành PET.
- Siết chặt hoạt động QA-QC, thực hiện việc kiểm tra kiểm soát chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình sản xuất nhằm đảm bảo từng sản phẩm đến tay khách hàng đạt chất lượng ở mức cao nhất có thể.
- Thực hiện cải tiến chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng ngày một tốt hơn, mang lại cho khách hàng dịch vụ chăm sóc ngày càng chu đáo và tận tình hơn.

4.7.3. Mục tiêu tài chính

Xác lập và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch ngân sách để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tài chính của ngành PET sau đây.

CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu (tỷ đồng)	1.856	2.272	2.624
Lãi ròng (tỷ đồng)	168,8	217,1	254,8

4.7.4. Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao

Để đạt được các mục tiêu chiến lược cho ngành PET giai đoạn 2011-2013, việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của NNG là vô cùng cần thiết và cấp bách. Để làm được điều này, các chiến lược sau đây cần được triển khai và thực hiện ngay từ bây giờ để có thể mang lại thành công cho tương lai, cụ thể:

- Đặt trọng tâm trong việc tinh luyện và lựa chọn đội ngũ nhân sự cốt cán chất lượng cao là mục tiêu hàng đầu trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao.
- Thực hiện thay thế dần các vị trí không còn phù hợp hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong điều kiện mới mà ngành PET đòi hỏi.
- Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo nội bộ đối với đội ngũ nhân sự, giúp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành.
- Đảm bảo các chính sách về nhân tài của công ty được thực thi triệt để và hiệu quả.
- Trong quá trình tuyển dụng nhân sự, chú trọng chất lượng và hiệu suất công việc, hạn chế tối đa sự gia tăng về số lượng nhân sự của ngành PET.

4.7.5. Mục tiêu đầu tư cho ngành PET

Trong giai đoạn 2011-2013 tiếp tục thực hiện việc đầu tư bổ sung cho ngành PET với tổng mức đầu tư không vượt quá 10% tổng giá trị tài sản cố định của ngành PET vào cuối năm 2010, tương đương với ngân sách đầu tư tối đa cho giai đoạn này là dự kiến 110 tỷ đồng.

Tuy nhiên, do đặc thù ngành PET sẽ có những phát sinh dự án tiềm năng chưa thể hiện tại thời điểm trình Đại hội đồng cổ đông (ví dụ như các dự án thổi chai online cho các khách hàng lớn đang trở thành xu thế), Hội đồng Quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thực hiện các quyết định đầu tư kịp thời khi cơ hội đến nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông.

4.8. CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC RIÊNG CHO NGÀNH FOOD

Food là một ngành mới vừa được NNG đầu tư vào cuối năm 2009, đến nay các dòng sản phẩm ngành food cũng chỉ mới xuất hiện trên thị trường hơn 1 năm đối với các sản phẩm bánh, và khoảng 3 tháng đối với sản phẩm nước mắm. Vì vậy, mục tiêu chiến lược chủ yếu của ngành food trong giai đoạn này là phát triển mở rộng thị trường để tìm chỗ đứng trên thị trường và thị phần cho từng nhãn hàng cụ thể. Trong số những mục tiêu của ngành food, thì mục tiêu phấn đấu để đưa các sản phẩm nước chấm của NNG trở thành **1 trong 3 nhãn hàng lớn nhất** trên thị trường nước chấm tại Việt Nam vào năm 2013 là quan trọng hàng đầu.

4.8.1. Hoàn chỉnh hệ thống phân phối

Năm 2011 tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân phối các sản phẩm ngành thực phẩm cho NNG, các năm sau đó thực hiện việc củng cố và tối ưu hệ thống phân phối để đạt được hiệu quả tốt nhất về độ phủ thị trường và khả năng nhanh chóng đưa sản phẩm mới ra thị trường một khi công ty có dòng sản phẩm mới.

Dựa trên cơ sở hệ thống phân phối đã được xây dựng, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh với sự hỗ trợ của hoạt động marketing, nhanh chóng phát triển thị trường, đưa sản phẩm đến tận tay từng đối tượng khách hàng tiềm năng.

Việc hoàn chỉnh hệ thống phân phối và phát triển nhanh thị phần vừa giúp gia tăng doanh số

hoàn thành chỉ tiêu tài chính của ngành food nói riêng và toàn NNG nói chung, vừa giúp bộ phận sản xuất có thể khai thác được triệt để công suất sản xuất của máy móc thiết bị, góp phần giảm định phí sản xuất và gia tăng sự cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, thông qua đó giúp bộ phận bán hàng có thể ngày càng mở rộng mạng lưới bán hàng và tăng trưởng về thị phần.

4.8.2. Nghiên cứu phát triển sản phẩm

Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm có nhiệm vụ nghiên cứu cải tiến chất lượng sản phẩm để nâng cao chất lượng và gia tăng sales life của các dòng sản phẩm hiện tại.

Bên cạnh đó, tiếp tục nghiên cứu và cho ra đời các sản phẩm mới phù hợp với thị trường và thị hiếu của người sử dụng nhằm đa dạng sản phẩm đáp ứng cho nhiều đối tượng khách hàng tiềm năng khác nhau của công ty.

Trong hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm cần chú trọng đến yếu tố an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường vì mục tiêu bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng và cộng đồng.

4.8.3. Đầu tư mở rộng sản xuất

Việc đầu tư cho ngành food giai đoạn 2011-2013 sẽ được thực hiện trên cơ sở tình hình sản xuất kinh doanh thực tế và tín hiệu phản ứng của thị trường đối với các dòng sản phẩm của NNG.

Các hoạt động đầu tư cho ngành food được thực hiện như một dự án đầu tư cho từng khoản mục đầu tư cụ thể, qua đó hiệu quả kinh tế mang lại của từng khoản mục đầu tư sẽ được xem xét cẩn trọng để đảm bảo được mục tiêu giá trị lợi ích mang lại cho NNG từ các khoản đầu tư này.

4.8.4. Xúc tiến hoạt động xuất khẩu

Bộ phận bán hàng Quốc tế của NNG, ngoài việc đảm nhiệm vai trò tìm kiếm thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm ngành PET, còn phải hỗ trợ cho ngành food trong việc tìm kiếm khách hàng và thị trường xuất khẩu để gia tăng thêm doanh số và mở rộng thị trường cho các sản phẩm ngành food, nhằm giảm thiểu chi phí liên quan quảng cáo và phân phối. Ngoài ra, kênh bán hàng xuất khẩu cũng sẽ được thành lập riêng cho ngành Food để đẩy nhanh việc khai thác thị trường tiềm năng này.

Tp.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2011

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA NGỌC NGHĨA
Chủ tịch

LA VĂN HOÀNG

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2011

5.1. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2011

5.1.1. Dự báo tình hình kinh tế năm 2011

Hoạt động sản xuất kinh doanh của NNG được chia thành 2 mảng rõ rệt là mảng các sản phẩm ngành PET và mảng các sản phẩm ngành Food. Trong đó, mảng sản phẩm ngành PET do sử dụng phần lớn nguyên liệu nhập khẩu hoặc có nguồn gốc nhập khẩu nên chịu nhiều sự tác động và có liên hệ mật thiết với sự biến động của nền kinh tế thế giới, kết hợp đồng thời với sự tác động đặc thù riêng của nền kinh tế Việt Nam.

Xét trên bình diện nền kinh tế toàn cầu, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đang dần đi qua, nền kinh tế thế giới bắt đầu có dấu hiệu hồi phục, tuy sự hồi phục còn tương đối chậm chạp, không đủ điều kiện để tạo động lực phát triển nhảy vọt cho bất kỳ ngành nghề kinh tế nào, nhưng với dấu hiệu phục hồi đó cũng làm gia tăng nhu cầu sử dụng các nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất, trong số đó có các nguyên liệu có nguồn gốc từ dầu mỏ, và nguyên liệu PET cũng là một trong những loại nguyên liệu chịu sự tác động tăng giá này. Nếu như giá dầu thô WTI tháng 3/2010 chỉ vào khoảng 80-82 USD/thùng, thì đến tháng 12/2010 giá dầu thô đã tăng lên mức 90-92 USD/thùng, và đang diễn biến theo chiều hướng tăng trong năm 2011.

Trong năm 2011 giá dầu thô ngoài việc bị ảnh hưởng bởi nhu cầu tăng, còn chịu ảnh hưởng bởi yếu tố địa chính trị bất ổn tại các khu vực cung cấp dầu thô cho thế giới, điều này làm cho giá dầu thô đang diễn biến theo chiều hướng tăng có thêm cơ hội tăng cao hơn nữa. Theo dự báo của IMF ngày 18/02/2011 giá dầu thô cơ sở năm 2011 sẽ là 94,75 USD/thùng và chưa tính đến yếu tố bất ổn địa chính trị. Tuy nhiên, theo dự báo của Markfore corp ngày 18/02/2011 thì giá dầu thô sẽ ổn định và dao động trong biên độ 94-104 USD/thùng trong năm 2011, và sẽ gây tác động không nhỏ đến giá của nguyên liệu PET, cụ thể giá nhựa PET tháng 9/2010 là 1.200 usd/tấn thì tháng 12/2010 đã là 1.400 usd/tấn và hiện tại tháng 3/2011 giá nhựa đã là 1.920 usd/tấn, tăng hơn 40% so với trung bình của năm 2010, điều này đồng nghĩa với việc chi phí nguyên liệu PET phục vụ cho sản xuất các sản phẩm ngành PET của NNG trong năm 2011 tăng cao, làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm PET trên thị trường, gây khó khăn cho việc hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của năm 2011.

Bên cạnh những khó khăn do bị ảnh hưởng của kinh tế thế giới, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn chịu nhiều tác động bởi sự biến động của nền kinh tế Việt Nam, vốn đang có nhiều biến động từ cuối năm 2010 và dự kiến sẽ còn kéo dài trong năm 2011:

- Giữa tháng 2/2010 Ngân hàng nhà nước đã điều chỉnh *tỷ giá USD* tăng thêm hơn 9% so với trước đó, làm cho các giao dịch mua nguyên vật liệu bằng ngoại tệ hoặc có gốc hay tham chiếu đến ngoại tệ của NNG sẽ tăng với mức tăng tương ứng, làm gia tăng chi phí đầu vào cho NNG.

Mặt khác, việc điều chỉnh tăng tỷ giá USD cũng làm cho các khoản công nợ bằng ngoại tệ của NNG cũng bị tăng theo, đồng nghĩa với việc chi phí sản xuất tiếp tục tăng cao.

- *Về lãi suất*: Năm 2011 Chính phủ điều hành nền kinh tế theo hướng ưu tiên kiểm soát lạm phát và thắt chặt chính sách tiền tệ, lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng vì thế cũng tăng theo, và nếu như mức lãi suất trung bình trong năm 2010 là 13%/năm đối với các khoản vay ngắn hạn, thì năm 2011 dự báo mức lãi suất trong các tháng đầu năm sẽ

cao (trên 20%/năm) và đến cuối năm sẽ có xu hướng giảm, nhưng mức trung bình năm sẽ đạt khoảng 16,5-17%/năm. Vì vậy, nếu doanh nghiệp nào hoạt động dựa vào nguồn vốn vay sẽ phải chịu thêm mức tăng chi phí sản xuất kinh doanh tương ứng vào khoảng 3,5-4%/năm.

- *Giá điện sản xuất* được điều chỉnh tăng 24% kể từ tháng 3/2011 so với năm 2010 sẽ là một trong những nhân tố tác động làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Cơ chế điều hành *giá xăng* năm 2011 sẽ theo cơ chế thị trường, trong khi giá xăng trên thị trường thế giới đang diễn biến theo chiều hướng tăng, vì vậy việc điều chỉnh giá xăng theo thị trường đã tạo ra sự gia tăng đột biến trong giá xăng, một mặt hàng làm thước đo cho giá cả của các hàng hóa dịch vụ khác, đặc biệt là chi phí giao nhận vận chuyển.

Tổng hợp những tác động này cho thấy, trong năm 2011 doanh nghiệp sẽ gặp phải nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng bởi hàng loạt sự tăng giá của các yếu tố đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, điều này làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường hoặc doanh nghiệp sẽ phải giảm tỷ lệ lợi nhuận để giữ chân khách hàng và mở rộng thị trường, dẫn đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm 2011 sẽ khó khăn hơn so với năm 2010.

5.1.2. Nhận diện những cơ hội và rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD năm 2011 của NNG

Với việc dự báo tình hình kinh tế năm 2011 có nhiều diễn biến phức tạp theo chiều hướng khó khăn cho hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. NNG thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2011 theo mục tiêu chiến lược đã đề ra, cùng với nhận thức đầy đủ các cơ hội và thuận lợi cơ bản sau đây:

- So với khu vực và thế giới, ngành nhựa PET Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh (tốc độ tăng trưởng 25-30%/năm).
- NNG tiếp tục là đơn vị dẫn đầu trong ngành nhựa PET Việt Nam với thị phần ~30-35%.
- Thương hiệu NNG có uy tín cao trong thị trường nhựa PET Việt Nam và khu vực.
- Hệ thống máy móc, công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế với công suất vượt trội.
- Bộ máy quản lý và đội ngũ CBNV chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản và có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành.
- Ổn định được đầu ra nhờ các hợp đồng dài hạn và số lượng đặt hàng lớn với các đối tác uy tín trong và ngoài nước.

Bên cạnh những cơ hội và thuận lợi nêu trên, Ngọc Nghĩa dự báo và nhận diện các rủi ro, thách thức trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010 nhằm đề ra các giải pháp tình huống để đối phó, đó là:

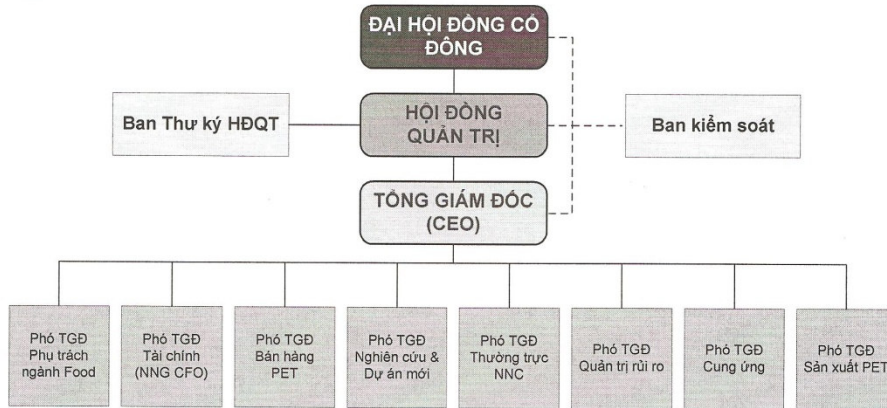
- Dự kiến giá nguyên vật liệu PET trong năm 2011 sẽ đứng ở mức khá cao và có nhiều biến động khó lường sẽ gây nhiều khó khăn cho công ty trong việc ổn định giá sản phẩm đầu ra cho khách hàng. Và nếu việc quản trị giá nguyên vật liệu đầu vào không tốt sẽ là một rủi ro rất lớn cho công ty trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh cho sản phẩm của NNG trong năm 2011.
- Thị trường tài chính trong năm 2011 có nhiều khó khăn, lãi suất ngân hàng ở mức cao do chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ làm gia tăng đáng kể chi phí tài chính cho công ty trong năm 2011.
- Tỷ giá USD/VND mặc dù được điều chỉnh tăng giá lên mức rất cao, nhưng ngân hàng vẫn không đáp ứng đầy đủ nhu cầu của doanh nghiệp, và doanh nghiệp phải trả thêm chi phí cho việc mua ngoại tệ thanh toán, làm ảnh hưởng đến giá chi phí nguyên vật liệu và các khoản nợ bằng ngoại tệ của công ty.
- Các đối thủ cạnh tranh lớn không ngừng đầu tư phát triển tạo áp lực cạnh tranh cao trong cuộc đua chiếm giữ thị phần và gia tăng doanh số, đặc biệt là số đối thủ lớn từ nước ngoài

đã bắt đầu thâm nhập trực tiếp bằng nhà máy sản xuất tại thị trường PET Việt Nam.

Phát huy nội lực, cùng với nhận thức đầy đủ về cơ hội, thách thức và trách nhiệm, Ngọc Nghĩa quyết tâm hoàn thành vượt mức và toàn diện kế hoạch kinh doanh năm 2011 đã đề ra với tất cả niềm tin và tinh thần cẩn trọng cao nhất.

5.2. CƠ CẤU TỔ CHỨC BAN ĐIỀU HÀNH

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2011 và các năm sau đó, việc tổ chức ban điều hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty là một trong những vấn đề cốt lõi cần được xem xét đầu tiên. Với lý do đó, cơ cấu ban điều hành công ty năm 2011 sẽ được tổ chức như sơ đồ sau.



Theo mô hình tổ chức trên, Ban Điều hành của Công ty sẽ gồm có 8-9 thành viên (thực hiện kiêm nhiệm khi cần thiết), trong đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty (theo sự phê chuẩn của Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 17/03/2010)

Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban điều hành:

STT	HỌ TÊN	NSINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Ông LA VĂN HOÀNG	1961	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc (CEO)	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy Cử nhân kinh doanh quốc tế
2	Bà NGUYỄN THỊ KIM CHI	1981	Phó TGĐ phụ trách Tài chính – Kế toán tập đoàn (CFO)	Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp
3	Ông LA HOÀI NAM	1979	Phó TGĐ phụ trách ngành FOOD	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA UK)
4	Bà LA BÙI HỒNG NGỌC	1985	Phó TGĐ phụ trách Cung ứng tập đoàn	Thạc sỹ Kinh tế (MBA Switzerland)
5	Bà ĐÀO THỊ THUẬN	1978	Phó TGĐ thường trực NNC.	Chuyên viên logistic. CEO chuyên nghiệp.
6	Ông NGUYỄN MẠNH HÀ	1963	Phó TGĐ phụ trách sản xuất, bán hàng, phân phối ngành PET	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
7	Bà NGUYỄN THỊ CHÂU	1964	Phó TGĐ phụ trách Quản trị rủi ro tập đoàn	Cử nhân Tài chính Kế toán
8	Ông LÃ MINH TUẤN	1964	Phó TGĐ phụ trách Nghiên cứu và dự án mới	Cử nhân Kinh tế

5.3. KẾ HOẠCH NHÂN SỰ

Kế hoạch nhân sự năm 2011 với mục tiêu chủ yếu kiện toàn đội ngũ nhân sự cho toàn hệ thống NNG, đảm bảo không tăng về số lượng, nhưng tăng về chất lượng, luôn luôn đáp ứng đầy đủ

nguồn nhân lực cho nhu cầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm.

Về quỹ lương: Thực hiện theo chính sách lương của công ty, đảm bảo tỷ lệ tăng quỹ lương năm 2011 thấp hơn tối thiểu 20% so với tỷ lệ tăng tổng lợi nhuận kế hoạch dự kiến của NNG năm 2011. Thực hiện tiết giảm tối đa các nhân sự mang lại hiệu quả chưa tương xứng với nhu cầu công việc, tập trung đầu tư cho nguồn nhân lực chất lượng cao.

Về hoạt động tác nghiệp, năm 2011 bộ phận nhân sự tập trung thực hiện các vấn đề sau:

- Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, chính sách nhân sự, các quy trình, quy định liên quan đến nhân sự và đào tạo.
- Hoàn thiện chỉ tiêu đánh giá tập thể, cá nhân, triển khai chính sách này triệt để và hiệu quả cho NNG nhằm tạo động lực phấn đấu cho từng cá nhân, tập thể trong hệ thống NNG.
- Đẩy mạnh công tác huấn luyện nội bộ và đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa.

5.4. TRIỂN KHAI GIẢI PHÁP HỖ TRỢ QUẢN LÝ

Hệ thống NNG phát triển ngày càng lớn mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu, đòi hỏi phải có hệ thống quản lý hiện đại hỗ trợ cho công tác quản lý và điều hành. Vì vậy, mục tiêu triển khai và đưa vào vận hành có hiệu quả hệ thống ERP trong năm 2011 là một trong những mục tiêu kế hoạch quan trọng của công ty. Dự án này cũng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2010 thông qua ngân sách đầu tư, và hiện nay đang trong quá trình hoàn tất giai đoạn giải pháp, chuẩn bị cho việc triển khai sử dụng chính thức vào giữa năm 2011.

5.5. KẾ HOẠCH KINH DOANH

5.5.1. Ngành PET

Kế hoạch kinh doanh ngành PET của NNG trong năm 2011 tập trung thực hiện các vấn đề sau đây:

- Tái cơ cấu hệ thống bán hàng theo hướng chuyên nghiệp, bổ nhiệm đội ngũ các giám đốc bán hàng theo dự án (*Project Sales Managers*). Xây dựng đội ngũ bán hàng kế thừa theo hướng trẻ hóa đội ngũ, có kiến thức ngành PET hoặc khả năng tiếp thu nhanh các kiến thức liên quan đến sản phẩm, kỹ năng bán hàng tốt và thông thạo ngoại ngữ.
- Hợp lý hóa sản xuất, thống nhất chỉ đạo và tăng cường khả năng hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các nhà máy NNC, VNP và IPC tạo nên sức mạnh tập thể cho toàn ngành PET.
- Siết chặt hoạt động QA-QC, thực hiện kiểm soát chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình sản xuất.
- Tham gia các hội thảo, hội chợ chuyên ngành nhựa để quảng bá sản phẩm và tìm kiếm khách hàng mới, đặc biệt là các hội thảo, hội chợ ở mức độ khu vực để phát triển hệ thống khách hàng khu vực.
- Đẩy nhanh tiến độ chế tạo khuôn mẫu cho các dự án mới, cơ cấu và hoàn thiện các khuôn mẫu phù hợp với máy móc thiết bị để dễ dàng cho nhà máy trong việc xác lập kế hoạch sản xuất, đáp ứng đủ và nhanh chóng các đơn hàng của khách hàng, tăng doanh thu cho ngành PET.
- Bộ phận Bán hàng – Tài chính – Cung ứng phối hợp chặt chẽ với nhau, thường xuyên thực hiện hệ thống phân tích, đánh giá số liệu đầu vào, số liệu khách hàng, ngành hàng theo định kỳ để có những phản ứng nhanh với các biến động của thị trường.
- Thành lập bộ phận hỗ trợ kỹ thuật (Technical Support Team) để hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho các giám đốc bán hàng dự án chưa nắm rõ về kỹ thuật. Tận dụng đội ngũ này như là một giá trị cộng thêm để hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng và thực hiện dịch vụ hậu mãi.
- Cải tạo hệ thống kho bãi, quản lý kho một cách khoa học, kiểm soát việc nhập xuất tồn kho nghiêm ngặt và hiệu quả.

- Hoàn thành việc đánh giá ISO 22000 cho tất cả các nhà máy ngành PET, thông qua việc đánh giá này NNG gửi đến các khách hàng của mình thông điệp về chất lượng các sản phẩm được sản xuất từ các nhà máy của NNG luôn luôn được kiểm soát tốt để cho ra đời sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trọng tâm kế hoạch năm 2011 của ngành PET: Khẳng định vị trí dẫn đầu ngành PET tại Việt Nam với 2 lợi thế cạnh tranh

- o Chất lượng sản phẩm dẫn đầu
- o Giá bán cạnh tranh (tìm giải pháp đầu vào hiệu quả cùng với việc cắt giảm mọi khoản chi phí chưa mang lại hiệu quả tương xứng để giảm giá thành, hỗ trợ giá bán)

5.5.2. Ngành Food

Đối với ngành Food, kế hoạch kinh doanh năm 2011 tập trung thực hiện:

- Hoàn tất việc xây dựng độ phủ và sàng lọc nhà phân phối trên toàn quốc nhằm đảm bảo từng nhà phân phối phải đạt được tiêu chuẩn của NNG, và hệ thống phân phối phải luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu kinh doanh gia tăng của ngành food trong năm 2011.
- Xây dựng chính sách lương nhân viên bán hàng theo mức doanh thu mà nhân viên này mang lại cho công ty thay cho hình thức lương cơ bản như hiện nay để khuyến khích đội ngũ nhân viên bán hàng tích cực hơn trong công tác bán hàng.
- Tìm nguồn đầu ra cho hoạt động xuất khẩu để nâng cao công suất khai thác máy móc thiết bị, tạo thêm nguồn ngoại tệ và tăng doanh thu từ đa dạng kênh bán hàng.
- Tập trung tối đa hóa hiệu quả của các nhà máy ngành Food, nhằm gia tăng sản lượng doanh thu và mở rộng thị phần.

5.6. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Năm 2011, NNG sẽ tiếp tục đầu tư những khoản mục đầu tư đã được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nhưng chưa thực hiện trong năm 2010. Cụ thể gồm có:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ	NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ NĂM 2011	GHI CHÚ
1	Đầu tư dây chuyền Biscuit Stick của DAF	28.923,0	Ngân sách đầu tư đầu được phê duyệt năm 2010 nhưng chưa thực hiện chuyển sang 2011.
2	Dự án ERP	9.483,4	Do ngân sách đầu tư năm 2010 chưa thực hiện chuyển sang 2011.
TỔNG CỘNG		38.406,4	

Đối với các dự án đầu tư mới, HĐQT xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT được linh hoạt sử dụng ngân sách trong phạm vi lợi nhuận giữ lại để thực hiện các quyết định đầu tư ngay khi cơ hội đầu tư thuận lợi và báo cáo về Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp tới.

5.7. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH – TÀI CHÍNH

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế năm 2011 cùng với nội lực hiện tại của Ngọc Nghĩa, HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính hợp nhất cho năm 2011 như sau:

CHỈ TIÊU	NNG	PET	FOOD*
Doanh thu thuần	2.256	1.856	400
Giá vốn	1.619	1.348	271
Lợi nhuận gộp	637	508	129

Chi phí Sales & MKT	176	64	112
Chi phí quản lý	89	69	20
Lợi nhuận HĐKD	372	374	(3)
Chi phí tài chính	242	167	76
Thuế TNDN	38	38	-
Lợi nhuận ròng	90,7	168,8	(78,2)

(*): Chi tiêu cộng ngang, không mang tính hợp nhất

Tp HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2011
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA NGỌC NGHĨA
 Chủ tịch



LA VĂN HOÀNG

NHỰA NGỌC NGHĨA

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

6.1. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2010

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa trong năm tài chính 2009 đã thực hiện các hoạt động giám sát như sau:

- Tham gia tất các cuộc họp của HĐQT để cập nhật, giám sát, đảm bảo mọi hoạt động của HĐQT. BTGD Công ty đều hợp lý và hợp pháp;
- Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã tổ chức họp thành viên 03 lần trong đó 02 lần họp định kỳ nội bộ ban kiểm soát và 1 lần họp bất thường cùng HĐQT;
- Rà soát, kiểm tra hồ sơ, chứng từ và quy trình liên quan thanh toán, tạm ứng, đầu tư của Công ty;
- Lắng nghe ý kiến CBCNV và cổ đông đóng góp về tình hình sản xuất kinh doanh công ty để phản ánh lại HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS được HĐQT và Ban Tổng giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

6.2. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2010

Đến hết 31/12/2010. Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của công ty. Tất cả các hoạt động này đều tuân thủ Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

Ban Kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập (Công ty Kiểm toán KPMG) về báo cáo tài chính của công ty được lập cho năm tài chính 2010.

6.3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ NỘI QUY CÔNG TY

Trong năm 2010, Công ty đã tuân thủ các quy định của Pháp luật liên quan Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Các chủ trương, hoạt động của Công ty đều trong khuôn khổ tuân thủ pháp luật và nội quy Công ty.

6.4. TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2010, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty bởi hoạt động của các thành viên hội đồng Quản trị, thành viên Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng Ban điều hành NNC năm 2010 đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc quản lý, điều hành.

Ban kiểm soát cũng đánh giá cao những nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành trong công tác phối hợp chặt chẽ với cán bộ công nhân viên công ty giúp NNC đạt được kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010, mặc dù không hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, nhưng là một kết quả đáng trân trọng trong điều kiện nền kinh tế có nhiều biến động bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6.5. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt trách nhiệm trong việc phối hợp với HĐQT và Ban giám đốc theo dõi, giám sát chặt chẽ và hiệu quả tình hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp với pháp luật, phù hợp với những cam kết của HĐQT với cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông năm 2010 cũng như đáp ứng được quyền lợi của cổ đông.

Về công tác quan hệ cổ đông, Ban kiểm soát cũng đã có sự phối hợp với bộ phận quản trị cổ phiếu công ty trong công tác quan hệ cổ đông tiếp tục duy trì và chú ý nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

6.6. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2011

Kiên toàn nhân sự về kiến thức chuyên môn; phân công, phân nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ với nhau và với các đơn vị liên quan; thực hiện hiệu quả chức năng và nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả công tác giám sát hoạt động của Công ty, của các thành viên HĐQT và Ban điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật cũng như tinh thần Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2011 đã thông qua.

Giám sát trong việc công bố thông tin kịp thời và chính xác cho cổ đông theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

Tp.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2011

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP NHỰA NGỌC NGHĨA

Thường Ban



TRƯƠNG QUỐC THẮNG

14
P
H
C
T



BÁO CÁO LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÙ LAO HĐQT, BKS & BAN THƯ KÝ**7.1. THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2010**

Mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư lý năm 2010 được thực hiện trong phạm vi ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông năm 2010 ngày 17/03/2010. Cụ thể ngân sách đã thực hiện như sau:

STT	THÙ LAO	NGÂN SÁCH DO ĐHCĐ PHÊ DUYỆT CHO NĂM 2010	NGÂN SÁCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2010
1	Hội đồng quản trị	910.000.000	910.000.000
2	Ban kiểm soát	195.000.000	195.000.000
3	Ban thư ký	65.000.000	65.000.000

7.2. ĐỀ XUẤT LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2011

Căn cứ tình hình hoạt động của công ty trong năm 2010 và biên bản Họp Hội đồng Quản trị 25/03/2011. HĐQT đề xuất trước ĐHCĐ về mức lương gộp của Tổng Giám đốc là **150 triệu đồng/tháng** và Tổng Giám đốc sẽ được hưởng lương tháng 13 và thưởng theo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Riêng mức thưởng cho Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty.

7.3. ĐỀ XUẤT THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2011

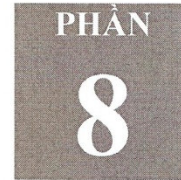
Căn cứ tình hình hoạt động của công ty trong năm 2010 và biên bản Họp Hội đồng Quản trị 25/03/2011. HĐQT Công ty đề xuất trước ĐHCĐ mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2011 như sau:

- Tổng thù lao cho HĐQT: 1.050.000.000 đồng/năm.
- Tổng thù lao cho Ban Kiểm soát: 210.000.000 đồng/năm.
- Tổng thù lao cho Ban Thư ký HĐQT: 70.000.000 đồng/năm.

Đại hội đồng Cổ đông sẽ ủy quyền cho HĐQT phân bổ mức thù lao cho HĐQT cho từng thành viên trong phạm vi tổng ngân sách thù lao cho HĐQT.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát phân bổ mức thù lao Ban Kiểm soát cho từng thành viên Ban kiểm soát trong phạm vi tổng ngân sách thù lao cho Ban kiểm soát.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký HĐQT chỉ nhận thù lao khi công ty hoạt động có lợi nhuận trong năm 2011.



CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

8.1. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị kể từ ngày 25/03/2011 sẽ gồm có 5 thành viên:

STT	HỌ TÊN	VỊ TRÍ
1	Ông LA VĂN HOÀNG	Chủ tịch
2	Bà LA BÙI HỒNG NGỌC	Phó Chủ tịch
3	Bà BÙI BÍCH HỒNG	Ủy viên
4	Ông LA HOÀI NAM	Ủy viên
5	Ông JEAN ERIC JACQUEMIN	Ủy viên

11/03/2011
A
JH
VCA

8.2. BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông TRƯƠNG QUỐC THẮNG	Trưởng ban
2	Ông NGUYỄN VĂN THÀNH	Thành viên
3	Ông PHAN VĂN DƯƠNG	Thành viên

8.3. BAN THƯ KÝ

Gồm các thành viên trong hệ thống tài chính kế toán NNC. Ban thư ký do CFO làm trưởng ban.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN

9.1. CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phần của công ty tính đến ngày 28/02/2011 là 52.500.000 cổ phần. Trong đó:

- Số cổ phần đang lưu hành và có quyền biểu quyết là: 52.499.922 cổ phần.
- Số cổ phần quỹ: 78 cổ phần

Tổng số cổ đông của công ty tính đến ngày 28/02/2011 là 205 cổ đông. Trong đó gồm có:

- Cổ đông cá nhân: 202 cổ đông, nắm giữ 44.888.967 cổ phần, tương ứng với 85.91% vốn điều lệ của công ty.
- Cổ đông tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 7.360.955 cổ phần, tương ứng với 14.09% vốn điều lệ của công ty.

9.2. CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ

Danh sách cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần trên 5% vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 28/02/2011.

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMND / GĐKKD	CỔ PHẦN		TỶ LỆ (%)
			SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (VND)	
1	LA VĂN HOÀNG	022354685	15.822.496	158.224.960.000	30.14%
2	BÙI BÍCH HỒNG	020481045	9.746.823	97.468.230.000	18.57%
3	LA BÙI HỒNG NGỌC	023880724	9.586.963	95.869.630.000	18.26%
5	LA BÙI HOÀNG NGHĨA	024202179	4.600.058	46.000.580.000	8.76%
6	RED RIVER HOLDING	WK - 192053	5.637.874	56.378.740.000	10.74%

9.3. CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Danh sách cổ đông nước ngoài của công ty tại thời điểm 28/02/2011.

STT	HỌ VÀ TÊN	LOẠI HÌNH	SỐ CMND / GĐKKD	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
1	Red River Holding	Tổ chức	WK - 192053	5.637.874	10.74%
2	Maxence Charles Eric Vanderlynden	Cá nhân	09A174354	64.150	0.12%
3	Francois Jérôme Marcel LE GOFF	Cá nhân	07C185369	4.067	0.008%

9.4. ĐÁNH GIÁ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TRONG NĂM 2010

So với cơ cấu cổ đông đầu năm 2010 thì sự biến động về cơ cấu cổ đông trong năm 2010 là không đáng kể, mức độ thay đổi về cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài hầu như không có.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Tính đến 31/12/2010, Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa đã đầu tư vào các Công ty như Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam, Công ty Cổ phần PET Quốc tế, Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú. Trong đó tổng số cổ phần sở hữu tính đến cuối năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2010	Tổng giá trị góp vốn theo tỷ lệ sở hữu và vốn điều lệ	Tổng giá trị vốn thực góp đến ngày 31/12/2010
Cty CP Nhựa PET Việt Nam	23.624.000.000	99,00%	23.387.760.000	23.387.760.000
Cty CP PET Quốc tế	80.000.000.000	98,00%	78.400.000.000	78.400.000.000
Cty CP Thực phẩm Đông Á	55.000.000.000	95,05%	52.280.000.000	52.280.000.000
Cty CP Thực phẩm Hồng Phú	90.000.000.000	90,00%	81.000.000.000	75.030.619.136
Tổng cộng			235.067.760.000	229.098.379.136



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**11.1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA HỢP NHẤT****11.1.1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép Đầu tư số 4103006864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2007 được điều chỉnh vào các ngày:

053011	18 tháng 6 năm 1993
4103006864	29 tháng 5 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Châu	Thành viên
	Bà Bùi Bích Hợp	Thành viên
	Bà Đào Thị Thuận	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Ông La Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 48.579.168.146 VND (2009: 87.815.807.485 VND, số liệu điều chỉnh lại). Trong năm, Tập đoàn đã chia 8.922.220.000 VND cổ tức bằng cổ phiếu (2009: 21.728.780.000 VND cổ tức bằng cổ phiếu).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý các giao dịch của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp khi Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



La Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

11.1.2. Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Hội đồng Quản trị, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-213



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV



11.1.3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31/12/2010

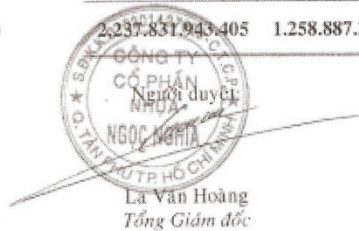
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		728.450.645.932	377.365.059.948
Tiền	110	4	84.396.800.343	141.253.598.210
Phải thu ngắn hạn	130	5	249.212.678.415	151.108.112.488
Phải thu khách hàng	131		172.900.101.736	123.035.044.900
Trả trước cho người bán	132		67.546.079.651	18.898.180.713
Các khoản phải thu khác	135		8.766.497.028	9.174.886.875
Hàng tồn kho	140	6	326.253.223.365	60.703.105.085
Tài sản ngắn hạn khác	150		68.587.943.809	24.300.244.165
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.930.527.869	3.969.209.621
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.801.352.720	20.198.679.319
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.856.063.220	132.355.225
Tài sản dài hạn	200		1.509.381.297.473	881.522.201.946
Phải thu dài hạn	210		8.084.801.381	7.953.596.832
Tài sản cố định	220		1.412.737.177.616	829.018.451.516
Tài sản cố định hữu hình	221	7	712.874.755.959	193.362.780.162
Nguyên giá	222		970.924.296.165	380.779.895.962
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(258.049.540.206)	(187.417.115.800)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	230.952.248.868	179.548.324.967
Nguyên giá	225		270.252.236.918	207.219.080.546
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(39.299.988.050)	(27.670.755.579)
Tài sản cố định vô hình	227	9	264.123.025.967	206.069.813.335
Nguyên giá	228		269.465.483.430	206.454.802.689
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.342.457.463)	(384.989.354)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	204.787.146.822	250.037.533.052
Đầu tư dài hạn	250		-	7.534.715.015
Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	7.534.715.015
Tài sản dài hạn khác	260		88.559.318.476	37.015.438.583
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	21.472.802.182	36.178.012.044
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.529.035.468	750.926.539
Tài sản dài hạn khác	268		3.019.861.352	86.500.000
Lợi thế thương mại	269	12	62.537.619.474	-
TỔNG TÀI SẢN	270		2.237.831.943.405	1.258.887.261.894

11/11/2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.658.312.222.583	748.077.100.393
Nợ ngắn hạn	310		963.738.071.255	354.206.508.443
Vay ngắn hạn	311	13	806.716.007.182	267.394.918.305
Phải trả thương mại	312	14	109.094.468.733	54.740.487.548
Người mua trả tiền trước	313		6.565.740.024	1.561.693.616
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	13.929.030.333	13.628.364.586
Phải trả nhân viên	315		984.715.600	7.771.090.471
Chi phí phải trả	316	16	14.556.351.998	7.222.222.227
Các khoản phải trả khác	319	17	7.262.021.149	1.887.731.690
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		4.629.736.236	-
Nợ dài hạn	330		694.574.151.328	393.870.591.950
Phải trả dài hạn khác	333		77.119.502	-
Vay và nợ dài hạn	334	18	692.860.122.791	393.818.393.468
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	1.636.909.035	52.198.482
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		577.565.985.039	507.048.101.011
Vốn chủ sở hữu	410		577.565.985.039	506.702.157.998
Vốn cổ phần	411	20	396.606.520.000	371.077.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(780.000)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		5.714.053.793	-
Chênh lệch tỷ giá	416		-	(136.484.024)
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	10.973.114.162	1.014.319.564
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	21	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	420		117.180.573.235	87.654.038.609
Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		-	345.943.013
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	345.943.013
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	22	1.953.735.783	3.762.060.490
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.237.831.943.405	1.258.887.261.894

Người lập:

Đông Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

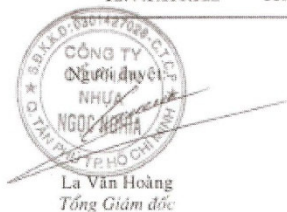


11.1.4. Báo cáo Kết quả kinh doanh

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu	01	23	1.209.020.155.915	750.178.468.980
Hàng bán trả lại	02		(5.744.054.148)	(253.240.289)
Doanh thu thuần	10		1.203.276.101.767	749.925.228.691
Giá vốn hàng bán	11		(817.167.019.276)	(531.097.729.385)
Lợi nhuận gộp	20		386.109.082.491	218.827.499.306
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.565.350.988	3.010.590.477
Chi phí tài chính	22	25	(126.115.080.731)	(61.739.563.847)
Chi phí bán hàng	24		(109.683.051.452)	(25.417.111.265)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(84.155.041.576)	(39.323.135.669)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.721.259.720	95.358.279.002
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	26	32.830.269.881	2.374.884.673
Chi phí khác	32	27	(30.861.921.142)	(2.433.708.661)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	40		2.587.659.115	3.044.423.401
Lợi nhuận trước thuế	50		74.277.267.574	98.343.878.415
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	28	(26.476.208.357)	(11.278.997.469)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	28	778.108.929	750.926.539
Lợi nhuận thuần	60		48.579.168.146	87.815.807.485
Phân bổ cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số	61	22	(3.865.990.376)	(487.939.510)
Cổ đông của Công ty	62		52.445.158.522	88.303.746.995

Người lập:

Đông Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Ngày 31 tháng 3 năm 2011

131

[Handwritten mark]

11.1.5. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận trước thuế	01	74.277.267.574	98.343.878.415
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	73.173.059.543	41.622.157.789
Các khoản dự phòng	03	1.674.475.621	52.198.482
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định	04	3.173.857.215	9.184.264.691
Lợi nhuận từ công ty liên kết	05	(55.574.971)	11.992.420
Thu nhập lãi tiền gửi		(2.587.659.115)	(3.044.423.401)
Chi phí lãi vay	06	(828.491.513)	(1.821.612.559)
		109.054.194.257	31.249.357.435
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	257.881.128.611	175.597.813.272
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(113.603.805.285)	(104.075.719.051)
Biến động hàng tồn kho	10	(253.917.796.703)	(24.388.864.846)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	32.725.814.226	13.529.657.789
		(76.914.659.151)	60.662.887.164
Tiền lãi vay đã trả	13	(107.945.166.484)	(24.027.135.208)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.812.555.597)	(8.079.830.207)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(309.725.950)	(176.654.100)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20	(206.982.107.182)	28.379.267.649

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(516.244.798.410)	(286.678.438.459)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	28.273.609.068	138.361.488
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	828.491.513	1.821.612.559
Tiền thuần chi mua công ty con		(108.654.602.943)	
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(595.797.300.772)	(284.718.464.412)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	16.606.520.000	93.150.000.000
Cổ đông thiểu số góp vốn		1.420.000.000	1.530.000.000
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(780.000)	-
Thu từ phát hành trái phiếu		-	100.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.885.123.923.118	775.901.468.093
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.086.634.815.421)	(532.260.789.290)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(70.592.237.610)	(50.652.286.479)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40	745.922.610.087	387.668.392.324
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(56.856.797.867)	131.329.195.561
Tiền đầu năm	60	141.253.598.210	9.924.402.649
Tiền cuối năm	70	84.396.800.343	141.253.598.210

11
N
F
C
11

CÁC GIAO DỊCH TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

Ngoài việc mua các tài sản và nợ phải trả thông qua hợp nhất kinh doanh như được thuyết minh chi tiết ở thuyết minh số 3, trong năm Tập đoàn còn có các giao dịch phi tiền tệ sau:

	2010 VND	2009 VND
Tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	70.172.714.552	107.960.664.360

Người lập:


Đông Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Là Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

4
G
T
Ư
N



11.2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA RIÊNG LẺ

11.2.1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa ("Công ty") trình bày báo cáo của Hội Đồng Quản Trị và báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2007.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thanh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội Đồng Quản Trị	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Châu	Thành viên
	Bà Bùi Bích Hợp	Thành viên
	Bà Đào Thị Thuận	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Ông La Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 77.597.472.078 VNĐ (2009: 95.107.345.515 VNĐ). Trong năm, Công ty chia 8.922.220.000 VNĐ cổ tức bằng cổ phiếu (2009: 21.728.780.000 VNĐ cổ tức bằng cổ phiếu).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Tuyên bố trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị về báo cáo tài chính

Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và sau đó áp dụng chúng một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.


Hội Đồng Quản Trị xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Hội Đồng Quản Trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị:


La Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

11/11/2011



11.2.3. Bảng Cân đối kế toán

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		497.441.069.056	328.535.485.573
Tiền	110	3	52.883.643.294	77.716.613.857
Đầu tư ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130	4	339.823.433.268	181.600.728.438
Phải thu khách hàng	131		185.322.558.153	160.971.865.711
Trả trước cho người bán	132		27.933.938.491	10.159.829.391
Các khoản phải thu khác	135		126.566.936.624	10.469.033.336
Hàng tồn kho	140	5	97.781.318.936	57.836.799.155
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.952.673.558	9.381.344.123
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.437.695.208	3.969.209.621
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.327.134.502
Tài sản ngắn hạn khác	158		514.978.350	85.000.000
Tài sản dài hạn	200		954.867.825.855	730.878.928.669
Phải thu dài hạn	210		8.084.801.381	7.953.596.832
Tài sản cố định	220		622.964.930.947	623.282.969.432
Tài sản cố định hữu hình	221	6	203.006.458.910	186.369.945.076
Nguyên giá	222		422.700.880.331	373.524.199.925
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(219.694.421.421)	(187.154.254.849)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	7	152.213.535.504	178.353.570.335
Nguyên giá	225		184.141.295.577	205.675.892.711
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(31.927.760.073)	(27.322.322.376)
Tài sản cố định vô hình	227	8	220.694.653.840	199.837.483.800
Nguyên giá	228		224.642.716.916	199.953.050.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.948.063.076)	(115.566.800)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	47.050.282.693	58.721.970.221
Đầu tư dài hạn	250	10	321.716.343.136	78.020.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		321.716.343.136	72.880.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		-	5.140.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.101.750.391	21.622.362.405
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	750.000.000	20.871.435.866
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.351.750.391	750.926.539
TỔNG TÀI SẢN	270		1.452.308.894.911	1.059.414.414.242

11.2.2. Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị độc phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Hội đồng Quản trị, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đẩu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-213



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV

10/10/11

11.2.2. Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị độc phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.


Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Hội đồng Quản trị, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-213




Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV

11/01/2011

11.2.3. Bảng Cân đối kế toán

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		497.441.069.056	328.535.485.573
Tiền	110	3	52.883.643.294	77.716.613.857
Đầu tư ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130	4	339.823.433.268	181.600.728.438
Phải thu khách hàng	131		185.322.558.153	160.971.865.711
Trả trước cho người bán	132		27.933.938.491	10.159.829.391
Các khoản phải thu khác	135		126.566.936.624	10.469.033.336
Hàng tồn kho	140	5	97.781.318.936	57.836.799.155
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.952.673.558	9.381.344.123
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.437.695.208	3.969.209.621
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.327.134.502
Tài sản ngắn hạn khác	158		514.978.350	85.000.000
Tài sản dài hạn	200		954.867.825.855	730.878.928.669
Phải thu dài hạn	210		8.084.801.381	7.953.596.832
Tài sản cố định	220		622.964.930.947	623.282.969.432
Tài sản cố định hữu hình	221	6	203.006.458.910	186.369.945.076
Nguyên giá	222		422.700.880.331	373.524.199.925
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(219.694.421.421)	(187.154.254.849)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	7	152.213.535.504	178.353.570.335
Nguyên giá	225		184.141.295.577	205.675.892.711
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(31.927.760.073)	(27.322.322.376)
Tài sản cố định vô hình	227	8	220.694.653.840	199.837.483.800
Nguyên giá	228		224.642.716.916	199.953.050.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.948.063.076)	(115.566.800)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	47.050.282.693	58.721.970.221
Đầu tư dài hạn	250	10	321.716.343.136	78.020.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		321.716.343.136	72.880.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		-	5.140.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.101.750.391	21.622.362.405
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	750.000.000	20.871.435.866
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.351.750.391	750.926.539
TỔNG TÀI SẢN	270		1.452.308.894.911	1.059.414.414.242

NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ	300		847.797.251.744	544.776.522.301
Nợ ngắn hạn	310		494.466.995.856	318.705.352.759
Vay ngắn hạn	311	12	422.311.470.680	241.578.032.746
Phải trả thương mại	312	13	41.021.570.610	46.059.203.818
Người mua trả tiền trước	313		1.185.001.107	1.233.344.904
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	11.359.386.161	13.406.775.247
Phải trả nhân viên	315		78.384.005	7.381.834.627
Chi phí phải trả	316	15	11.993.478.594	7.222.222.227
Các khoản phải trả khác	319	16	2.459.521.847	1.823.939.190
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		4.058.182.852	-
Nợ dài hạn	330		353.330.255.888	226.071.169.542
Phải trả dài hạn khác	333		30.077.119.502	-
Vay và nợ dài hạn	334	17	321.683.526.136	226.018.971.060
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	1.569.610.250	52.198.482
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		604.511.643.167	514.637.891.941
Vốn chủ sở hữu	410		604.511.643.167	514.291.948.928
Vốn cổ phần	411	19	396.606.520.000	371.077.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(780.000)	-
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	10.973.114.162	1.014.319.564
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	20	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	420		149.840.285.156	95.107.345.515
Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		-	345.943.013
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	345.943.013
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.452.308.894.911	1.059.414.414.242

Người lập:

Đông Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



Người duyệt:

Trần Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

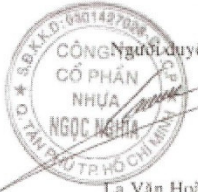
11.2.4. Báo cáo Kết quả kinh doanh

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu	01	21	1.175.859.158.539	750.178.468.980
Trừ hàng bán bị trả lại	02		(624.842.017)	(253.240.289)
Doanh thu thuần	10		1.175.234.316.522	749.925.228.691
Giá vốn hàng bán	11	22	(926.795.659.013)	(531.097.729.385)
Lợi nhuận gộp	20		248.438.657.509	218.827.499.306
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.556.752.764	2.151.611.123
Chi phí tài chính	22	24	(74.817.939.772)	(59.892.068.612)
Chi phí bán hàng	24		(36.497.195.653)	(25.417.111.265)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(43.212.902.893)	(30.156.740.026)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		99.467.371.955	105.513.190.526
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	25	30.567.984.621	2.374.884.673
Chi phí khác	32	26	(29.361.793.602)	(2.433.708.278)
Lợi nhuận trước thuế	50		100.673.562.974	105.454.366.921
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	27	(23.676.914.748)	(11.097.947.945)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	27	600.823.852	750.926.539
Lợi nhuận thuần	60		77.597.472.078	95.107.345.515

CÔNG TY TNHH

Người lập:

 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 La Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc



11.2.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		100.673.562.974	105.454.366.921
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		48.776.453.019	40.741.441.081
Các khoản dự phòng	03		1.555.859.718	52.198.482
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		3.018.891.366	7.336.769.456
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.385.037.489)	(950.640.785)
Chi phí lãi vay	06		65.995.068.889	31.249.357.435
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		216.634.798.477	183.883.492.590
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(155.910.446.555)	(120.256.326.471)
Biến động hàng tồn kho	10		(39.944.519.781)	(21.671.217.016)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(14.485.523.599)	6.016.889.256
			6.294.308.542	47.972.838.359
Tiền lãi vay đã trả	13		(64.886.041.116)	(24.027.135.208)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20.067.598.844)	(8.056.644.510)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		30.077.119.502	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(309.725.950)	(176.654.100)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20		(48.891.937.866)	15.712.404.541
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(65.105.222.778)	(76.860.828.518)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		27.902.633.747	138.361.488
Tiền gửi có kỳ hạn			-	(2.000.000.000)
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn			2.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(204.145.356.247)	(63.930.000.000)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		3.301.433.267	962.633.205
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(236.046.512.011)	(141.689.833.825)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		16.606.520.000	93.150.000.000
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(780.000)	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu			-	100.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.097.300.705.427	583.369.209.726
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(794.204.447.791)	(532.258.789.290)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(59.596.518.322)	(50.414.965.050)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		260.105.479.314	193.845.455.386
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(24.832.970.563)	67.868.026.102

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

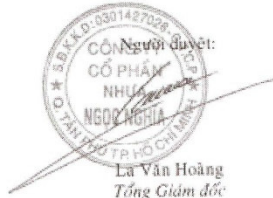
	2010 VND	2009 VND
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	30.665.648.053	107.114.342.931
Cổ tức bằng cổ phiếu	8.922.220.000	-
Góp vốn vào Công ty con bằng tài sản cố định	39.550.986.889	-

Người lập:



Đông Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

